



LỊCH THI HỌC KỲ I (2023-2024)  
BẠC ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

| STT | Lớp học                                         | Mã LHP       | St số | Từ số<br>thứ tự | Môn thi                                           | Thứ | Ngày thi   | Giờ thi | Phòng thi | Hình thức thi      | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------|--------------|-------|-----------------|---------------------------------------------------|-----|------------|---------|-----------|--------------------|---------|
| 1   | 22DHTT01;<br>22DHTT02;<br>22DHTT03              | 010100001601 | 194   | 1-64            | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 7:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 2   | 22DHTT01;<br>22DHTT02;<br>22DHTT03              | 010100001601 | 194   | 65-129          | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 7:30    | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 3   | 22DHTT01;<br>22DHTT02;<br>22DHTT03              | 010100001601 | 194   | 130-194         | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 7:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 4   | 22DHTT04;<br>22DHTT05;<br>22DHTT06              | 010100001602 | 195   | 66-130          | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 9:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 5   | 22DHTT04;<br>22DHTT05;<br>22DHTT06              | 010100001602 | 195   | 131-195         | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 9:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 6   | 22DHTT04;<br>22DHTT05;<br>22DHTT06              | 010100001602 | 195   | 1-65            | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 9:30    | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 7   | 22DHDLO1;<br>22DHDLO2                           | 010100001603 | 120   | 1-60            | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 12:30   | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 10  | 22DHDLO1;<br>22DHDLO2                           | 010100001603 | 120   | 61-120          | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 12:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 8   | 22DHNLO1;<br>22DHNLO2                           | 010100001608 | 118   | 1-60            | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 12:30   | G303      | Trắc nghiệm online |         |
| 9   | 22DHNLO1;<br>22DHNLO2                           | 010100001608 | 118   | 61-118          | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 12:30   | G304      | Trắc nghiệm online |         |
| 12  | 22DHKT01;<br>22DHKT02                           | 011100001601 | 132   | 66-132          | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 14:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 13  | 22DHKT01;<br>22DHKT02                           | 011100001601 | 132   | 1-65            | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 14:30   | G304      | Trắc nghiệm online |         |
| 11  | 22DHKL01                                        | 011100001602 | 119   | 61-119          | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 14:30   | G303      | Trắc nghiệm online |         |
| 14  | 22DHKL01                                        | 011100001602 | 119   | 1-60            | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 14:30   | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 15  | 22DHQT01;<br>22DHQT02;<br>22DHQT03              | 010100001604 | 192   | 1-65            | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 16:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 18  | 22DHQT01;<br>22DHQT02;<br>22DHQT03              | 010100001604 | 192   | 66-129          | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 16:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 19  | 22DHQT01;<br>22DHQT02;<br>22DHQT03              | 010100001604 | 192   | 130-194         | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 16:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 16  | 22DHQT04;<br>22DHQT05;<br>22DHQT06;<br>22DHQT07 | 010100001607 | 134   | 1-50            | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 16:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 17  | 22DHQT04;<br>22DHQT05;<br>22DHQT06;<br>22DHQT07 | 010100001607 | 134   | 51-100          | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 16:30   | G303      | Trắc nghiệm online |         |
| 20  | 22DHQT04;<br>22DHQT05;<br>22DHQT06;<br>22DHQT07 | 010100001607 | 134   | 101-134         | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | 6   | 17/11/2023 | 16:30   | G304      | Trắc nghiệm online |         |
| 23  | 23DHNA05;<br>23DHNA06;<br>23DHNA07              | 010100000307 | 196   | 67-130          | Pháp luật đại cương                               | 3   | 21/11/2023 | 7:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 24  | 23DHNA05;<br>23DHNA06;<br>23DHNA07              | 010100000307 | 196   | 131-196         | Pháp luật đại cương                               | 3   | 21/11/2023 | 7:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 25  | 23DHNA05;<br>23DHNA06;<br>23DHNA07              | 010100000307 | 196   | 1-66            | Pháp luật đại cương                               | 3   | 21/11/2023 | 7:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 26  | 22DHKT01                                        | 011100061901 | 58    |                 | Sức bền vật liệu                                  | 3   | 21/11/2023 | 7:30    | G406      | Tự luận            |         |
| 27  | 22DHKT02                                        | 011100061902 | 47    |                 | Sức bền vật liệu                                  | 3   | 21/11/2023 | 7:30    | G204      | Tự luận            |         |
| 22  | 23DHXD01                                        | 011100114401 | 18    |                 | Cơ lý thuyết                                      | 3   | 21/11/2023 | 7:30    | G203      | Tự luận            |         |
| 21  | 22DHXD01                                        | 011100115901 | 24    |                 | Cơ kết cấu 2                                      | 3   | 21/11/2023 | 7:30    | G203      | Tự luận            |         |
| 28  | 22DHKL01                                        | 011100142401 | 61    | 1-30            | Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay | 3   | 21/11/2023 | 7:30    | G202      | Tự luận            |         |
| 29  | 22DHKL01                                        | 011100142401 | 61    | 31-61           | Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay | 3   | 21/11/2023 | 7:30    | G201      | Tự luận            |         |
| 31  | 23DHNLO3;<br>23DHNLO4                           | 010100000309 | 94    | 1-50            | Pháp luật đại cương                               | 3   | 21/11/2023 | 9:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 32  | 23DHNLO3;<br>23DHNLO4                           | 010100000309 | 94    | 51-95           | Pháp luật đại cương                               | 3   | 21/11/2023 | 9:30    | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 33  | 20DHKL01                                        | 010800074201 | 49    |                 | Quản lý luồng không lưu                           | 3   | 21/11/2023 | 9:30    | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 30  | 23DHDOT1                                        | 011100019902 | 73    |                 | Đo lường điện tử                                  | 3   | 21/11/2023 | 9:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 35  | 23DHXD01                                        | 011100034301 | 18    |                 | Vật lý                                            | 3   | 21/11/2023 | 9:30    | G303      | Trắc nghiệm online |         |
| 34  | 22DHXD01                                        | 011100116001 | 24    |                 | Tổng quan Công trình xây dựng HHK                 | 3   | 21/11/2023 | 9:30    | G303      | Trắc nghiệm online |         |
| 36  | 22DHNA01                                        | 010100121501 | 40    |                 | Biến dịch                                         | 3   | 21/11/2023 | 12:30   | G305      | Tự luận            |         |
| 37  | 22DHNA02                                        | 010100121504 | 23    |                 | Biến dịch                                         | 3   | 21/11/2023 | 12:30   | G305      | Tự luận            |         |
| 39  | 23DHKL02                                        | 011100059901 | 61    |                 | Khí động lực học cơ bản                           | 3   | 21/11/2023 | 12:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 40  | 23DHKL01                                        | 011100059902 | 67    |                 | Khí động lực học cơ bản                           | 3   | 21/11/2023 | 12:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 41  | 23DHKL03                                        | 011100059903 | 36    |                 | Khí động lực học cơ bản                           | 3   | 21/11/2023 | 12:30   | G303      | Trắc nghiệm online |         |
| 38  | 22DHXD01                                        | 011100116101 | 23    |                 | Kết cấu bê tông cốt thép                          | 3   | 21/11/2023 | 12:30   | G302      | Tự luận            |         |
| 44  | 23ĐCK01                                         | 030100061401 | 34    |                 | Toán kỹ thuật                                     | 3   | 21/11/2023 | 12:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 43  | 23ĐCK01                                         | 030100069801 | 22    |                 | Tính năng tàu bay                                 | 3   | 21/11/2023 | 12:30   | G202      | Trắc nghiệm online |         |
| 42  | 21ĐCKL01                                        | 030100074201 | 31    |                 | Quản lý luồng không lưu                           | 3   | 21/11/2023 | 12:30   | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 48  | 22DHKV03                                        | 010100046108 | 58    |                 | Thanh toán quốc tế                                | 3   | 21/11/2023 | 14:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |

| STT | Lớp học                                         | Mã LHP       | St số | Từ số thứ tự | Môn thi                                   | Thứ | Ngày thi   | Giờ thi | Phòng thi | Hình thức thi      | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------|--------------|-------|--------------|-------------------------------------------|-----|------------|---------|-----------|--------------------|---------|
| 46  | 23DHTĐ01                                        | 011100009103 | 51    |              | Linh kiện điện tử                         | 3   | 21/11/2023 | 14:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 47  | 23DHTĐ02                                        | 011100009104 | 59    |              | Linh kiện điện tử                         | 3   | 21/11/2023 | 14:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 45  | 22CĐTM02                                        | 030100069001 | 61    |              | Hành lý bất thường                        | 3   | 21/11/2023 | 14:30   | G205      | Tự luận            |         |
| 49  | 23DHKV03;<br>23DHKV04;<br>23DHKV05              | 010100000304 | 171   | 58-114       | Pháp luật đại cương                       | 3   | 21/11/2023 | 16:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 50  | 23DHKV03;<br>23DHKV04;<br>23DHKV05              | 010100000304 | 171   | 115-171      | Pháp luật đại cương                       | 3   | 21/11/2023 | 16:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 51  | 23DHKV03;<br>23DHKV04;<br>23DHKV05              | 010100000304 | 171   | 1-57         | Pháp luật đại cương                       | 3   | 21/11/2023 | 16:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 52  | 22DHKV02                                        | 010100046109 | 56    |              | Thanh toán quốc tế                        | 3   | 21/11/2023 | 16:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 54  | 23DHTĐ01                                        | 011100009102 | 74    |              | Linh kiện điện tử                         | 4   | 22/11/2023 | 7:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 53  | 22DHKL02                                        | 011100024401 | 60    |              | Chủ nghĩa xã hội khoa học                 | 4   | 22/11/2023 | 7:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 55  | 23CĐTM01                                        | 030100022802 | 60    |              | Pháp luật                                 | 4   | 22/11/2023 | 7:30    | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 56  | 23CDAN01                                        | 030100060101 | 27    |              | Pháp luật hàng không                      | 4   | 22/11/2023 | 7:30    | G202      | Trắc nghiệm online |         |
| 62  | 23DAQT01                                        | 010100000318 | 48    |              | Pháp luật đại cương (Fundamentals of Law) | 4   | 22/11/2023 | 9:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 57  | 21ĐHQTC4                                        | 010100013104 | 46    |              | Kinh tế vận tải hàng không                | 4   | 22/11/2023 | 9:30    | G304      | Tự luận            |         |
| 58  | 21ĐHQTVT1                                       | 010100013105 | 49    |              | Kinh tế vận tải hàng không                | 4   | 22/11/2023 | 9:30    | G406      | Tự luận            |         |
| 59  | 21ĐHQTVT3                                       | 010100013107 | 60    |              | Kinh tế vận tải hàng không                | 4   | 22/11/2023 | 9:30    | G205      | Tự luận            |         |
| 60  | 23CDAN01;<br>23CĐCK01;<br>23CĐKL01              | 030100022801 | 87    | 1-44         | Pháp luật                                 | 4   | 22/11/2023 | 9:30    | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 61  | 23CDAN01;<br>23CĐCK01;<br>23CĐKL01              | 030100022801 | 87    | 45-88        | Pháp luật                                 | 4   | 22/11/2023 | 9:30    | G207      | Trắc nghiệm online |         |
| 73  | 21ĐHQTDL                                        | 010100022601 | 46    | 1-23         | Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng          | 4   | 22/11/2023 | 12:30   | G307      | Tự luận            |         |
| 74  | 21ĐHQTDL                                        | 010100022601 | 46    | 24-46        | Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng          | 4   | 22/11/2023 | 12:30   | G504      | Tự luận            |         |
| 67  | 23DHKV01                                        | 010100080801 | 61    |              | Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học  | 4   | 22/11/2023 | 12:30   | G205      | Tự luận            |         |
| 68  | 23DHKV02                                        | 010100080802 | 61    |              | Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học  | 4   | 22/11/2023 | 12:30   | G305      | Tự luận            |         |
| 69  | 23DHKV03                                        | 010100080803 | 61    |              | Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học  | 4   | 22/11/2023 | 12:30   | G406      | Tự luận            |         |
| 70  | 23DHKV04                                        | 010100080804 | 57    |              | Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học  | 4   | 22/11/2023 | 12:30   | G303      | Tự luận            |         |
| 71  | 23DHKV05                                        | 010100080805 | 56    | 1-30         | Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học  | 4   | 22/11/2023 | 12:30   | G201      | Tự luận            |         |
| 72  | 23DHKV05                                        | 010100080805 | 56    | 31-56        | Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học  | 4   | 22/11/2023 | 12:30   | G302      | Tự luận            |         |
| 63  | 22DHNA01                                        | 010100093701 | 40    |              | Dẫn luận ngôn ngữ học                     | 4   | 22/11/2023 | 12:30   | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 64  | 22DHNA02                                        | 010100093702 | 35    |              | Dẫn luận ngôn ngữ học                     | 4   | 22/11/2023 | 12:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 65  | 22DHNA03                                        | 010100093703 | 40    |              | Dẫn luận ngôn ngữ học                     | 4   | 22/11/2023 | 12:30   | G304      | Trắc nghiệm online |         |
| 66  | 22DHNA03                                        | 010100093704 | 39    |              | Dẫn luận ngôn ngữ học                     | 4   | 22/11/2023 | 12:30   | G608      | Trắc nghiệm online |         |
| 88  | 21ĐHQ TDL                                       | 010100022301 | 47    |              | Tổng quan du lịch                         | 4   | 22/11/2023 | 14:30   | G207      | Tự luận            |         |
| 87  | 21ĐHQ TTH1                                      | 010100050001 | 24    |              | Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp   | 4   | 22/11/2023 | 14:30   | G502      | Tự luận            |         |
| 75  | 23DHKV05                                        | 010100109301 | 55    |              | Địa lý vận tải                            | 4   | 22/11/2023 | 14:30   | G204      | Tự luận            |         |
| 76  | 23DHKV03                                        | 010100109302 | 61    | 1-30         | Địa lý vận tải                            | 4   | 22/11/2023 | 14:30   | G201      | Tự luận            |         |
| 80  | 23DHKV03                                        | 010100109302 | 61    | 31-61        | Địa lý vận tải                            | 4   | 22/11/2023 | 14:30   | G302      | Tự luận            |         |
| 77  | 23DHKV04                                        | 010100109303 | 56    |              | Địa lý vận tải                            | 4   | 22/11/2023 | 14:30   | G303      | Tự luận            |         |
| 78  | 23DHKV02                                        | 010100109304 | 62    | 1-31         | Địa lý vận tải                            | 4   | 22/11/2023 | 14:30   | G307      | Tự luận            |         |
| 81  | 23DHKV02                                        | 010100109304 | 62    | 32-62        | Địa lý vận tải                            | 4   | 22/11/2023 | 14:30   | G602      | Tự luận            |         |
| 79  | 23DHKV01                                        | 010100109305 | 59    | 1-30         | Địa lý vận tải                            | 4   | 22/11/2023 | 14:30   | G504      | Tự luận            |         |
| 82  | 23DHKV01                                        | 010100109305 | 59    | 31-59        | Địa lý vận tải                            | 4   | 22/11/2023 | 14:30   | G603      | Tự luận            |         |
| 84  | 22ĐHĐT01;<br>22ĐHĐT02;<br>22DHTĐ01;<br>22DHTĐ02 | 011100052403 | 187   | 1-63         | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam            | 4   | 22/11/2023 | 14:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 85  | 22ĐHĐT01;<br>22ĐHĐT02;<br>22DHTĐ01;<br>22DHTĐ02 | 011100052403 | 187   | 64-126       | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam            | 4   | 22/11/2023 | 14:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 86  | 22ĐHĐT01;<br>22ĐHĐT02;<br>22DHTĐ01;<br>22DHTĐ02 | 011100052403 | 187   | 127-189      | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam            | 4   | 22/11/2023 | 14:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 83  | 22CĐTM01                                        | 030100069002 | 50    |              | Hành lý bất thường                        | 4   | 22/11/2023 | 14:30   | G203      | Tự luận            |         |
| 89  | 23DHKV01;<br>23DHKV02                           | 010100000303 | 120   | 1-60         | Pháp luật đại cương                       | 4   | 22/11/2023 | 16:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 92  | 23DHKV01;<br>23DHKV02                           | 010100000303 | 120   | 120          | Pháp luật đại cương                       | 4   | 22/11/2023 | 16:30   | G207      | Trắc nghiệm online |         |
| 90  | 23ĐHKT01;<br>23ĐHKT02                           | 011100000305 | 121   | 1-60         | Pháp luật đại cương                       | 4   | 22/11/2023 | 16:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 91  | 23ĐHKT01;<br>23ĐHKT02                           | 011100000305 | 121   | 61-121       | Pháp luật đại cương                       | 4   | 22/11/2023 | 16:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 93  | 22DHKV02;<br>22DHKV03                           | 010100024401 | 126   | 1-65         | Chủ nghĩa xã hội khoa học                 | 5   | 23/11/2023 | 7:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 94  | 22DHKV02;<br>22DHKV03                           | 010100024401 | 126   | 66-127       | Chủ nghĩa xã hội khoa học                 | 5   | 23/11/2023 | 7:30    | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 97  | 22DHKV01                                        | 010100046110 | 56    |              | Thanh toán quốc tế                        | 5   | 23/11/2023 | 7:30    | G303      | Trắc nghiệm online |         |
| 96  | 21ĐHQ TTH1                                      | 010100049601 | 28    |              | Quản trị kinh doanh quốc tế               | 5   | 23/11/2023 | 7:30    | G201      | Tự luận            |         |
| 95  | 21ĐHKL01                                        | 010800049001 | 47    |              | Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)        | 5   | 23/11/2023 | 7:30    | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 101 | 21ĐHQ TTH1                                      | 010100011901 | 25    |              | Quản trị Marketing                        | 5   | 23/11/2023 | 9:30    | G202      | Tự luận            |         |
| 98  | 22DHTT01                                        | 010100085001 | 63    |              | Phân tích và thiết kế thuật giải          | 5   | 23/11/2023 | 9:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 99  | 22DHTT02                                        | 010100085002 | 48    |              | Phân tích và thiết kế thuật giải          | 5   | 23/11/2023 | 9:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 100 | 22DHTT03                                        | 010100085003 | 64    |              | Phân tích và thiết kế thuật giải          | 5   | 23/11/2023 | 9:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 102 | 21ĐHNA01                                        | 010100094701 | 19    |              | Tiếng Anh thương mại 2                    | 5   | 23/11/2023 | 9:30    | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 107 | 22DHTT06                                        | 010100085004 | 64    |              | Phân tích và thiết kế thuật giải          | 5   | 23/11/2023 | 12:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 108 | 22DHTT04                                        | 010100085005 | 65    |              | Phân tích và thiết kế thuật giải          | 5   | 23/11/2023 | 12:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 109 | 21ĐHNA01                                        | 010100094702 | 40    |              | Tiếng Anh thương mại 2                    | 5   | 23/11/2023 | 12:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 103 | 22DHNA02                                        | 010100121502 | 40    |              | Biên dịch                                 | 5   | 23/11/2023 | 12:30   | G203      | Tự luận            |         |
| 104 | 22DHNA03                                        | 010100121503 | 40    |              | Biên dịch                                 | 5   | 23/11/2023 | 12:30   | G304      | Tự luận            |         |
| 105 | 22ĐHKL02                                        | 011100033901 | 50    |              | Hệ thống thông tin, liên lạc HK           | 5   | 23/11/2023 | 12:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 106 | 23ĐHXD01                                        | 011100114503 | 18    |              | Hình họa vẽ kỹ thuật F1                   | 5   | 23/11/2023 | 12:30   | G201      | Tự luận            |         |
| 110 | 21ĐHQ TTVT1                                     | 010100008105 | 68    |              | An toàn hàng không                        | 5   | 23/11/2023 | 14:30   | G205      | Tự luận            |         |
| 111 | 21ĐHQ TTVT2                                     | 010100008106 | 65    |              | An toàn hàng không                        | 5   | 23/11/2023 | 14:30   | G305      | Tự luận            |         |
| 112 | 21ĐHQ TTVT3                                     | 010100008107 | 60    |              | An toàn hàng không                        | 5   | 23/11/2023 | 14:30   | G406      | Tự luận            |         |
| 113 | 21ĐHQ TTVT1                                     | 010100008108 | 34    |              | An toàn hàng không                        | 5   | 23/11/2023 | 14:30   | G301      | Tự luận            |         |
| 118 | 21ĐHNA01                                        | 010100094301 | 23    |              | Văn hóa Anh - Mỹ                          | 5   | 23/11/2023 | 14:30   | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 114 | 22DHKV01                                        | 010100145001 | 56    |              | Luật Thương mại quốc tế                   | 5   | 23/11/2023 | 14:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |

| STT | Lớp học                            | Mã LHP       | St số | Từ số thứ tự | Môn thi                              | Thứ | Ngày thi   | Giờ thi | Phòng thi | Hình thức thi      | Ghi chú |
|-----|------------------------------------|--------------|-------|--------------|--------------------------------------|-----|------------|---------|-----------|--------------------|---------|
| 115 | 22DHKV02                           | 010100145002 | 46    |              | Luật Thương mại quốc tế              | 5   | 23/11/2023 | 14:30   | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 116 | 22DHKV03                           | 010100145003 | 61    |              | Luật Thương mại quốc tế              | 5   | 23/11/2023 | 14:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 117 | 22DHXD01                           | 011100128901 | 23    |              | Tin học chuyên ngành                 | 5   | 23/11/2023 | 14:30   | G307      | Trắc nghiệm online |         |
| 121 | 23DHQT05;<br>23DHQT06              | 010100000312 | 134   | 66-134       | Pháp luật đại cương                  | 5   | 23/11/2023 | 16:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 122 | 23DHQT05;<br>23DHQT06              | 010100000312 | 134   | 1-65         | Pháp luật đại cương                  | 5   | 23/11/2023 | 16:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 119 | 21DHĐT01;<br>22DHXD01              | 011100052404 | 118   | 61-118       | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam       | 5   | 23/11/2023 | 16:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 120 | 21DHĐT01;<br>22DHXD01              | 011100052404 | 118   | 1-60         | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam       | 5   | 23/11/2023 | 16:30   | G303      | Trắc nghiệm online |         |
| 126 | 21DHQTTT01                         | 010100030201 | 25    |              | Kinh tế quốc tế                      | 6   | 24/11/2023 | 7:30    | G301      | Tự luận            |         |
| 127 | 22DHNA01                           | 010100093401 | 40    |              | Lý thuyết dịch                       | 6   | 24/11/2023 | 7:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 128 | 22DHNA02                           | 010100093402 | 40    |              | Lý thuyết dịch                       | 6   | 24/11/2023 | 7:30    | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 129 | 22DHNA03                           | 010100093403 | 40    |              | Lý thuyết dịch                       | 6   | 24/11/2023 | 7:30    | G303      | Trắc nghiệm online |         |
| 130 | 22DHNA01                           | 010100093404 | 33    |              | Lý thuyết dịch                       | 6   | 24/11/2023 | 7:30    | G304      | Trắc nghiệm online |         |
| 123 | 21DHNAHK                           | 010100121602 | 34    |              | Cú pháp học                          | 6   | 24/11/2023 | 7:30    | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 124 | 21DHTĐ02                           | 011100017001 | 33    |              | Đo lường và điều khiển bằng máy tính | 6   | 24/11/2023 | 7:30    | G202      | Tự luận            |         |
| 125 | 21DHTĐ01                           | 011100017002 | 36    |              | Đo lường và điều khiển bằng máy tính | 6   | 24/11/2023 | 7:30    | G407      | Tự luận            |         |
| 131 | 22DHKL02                           | 011100031401 | 52    |              | Quy tắc bay                          | 6   | 24/11/2023 | 7:30    | G207      | Trắc nghiệm online |         |
| 134 | 21DHQTC1                           | 010100013101 | 59    |              | Kinh tế vận tải hàng không           | 6   | 24/11/2023 | 9:30    | G305      | Tự luận            |         |
| 135 | 21DHQTC2                           | 010100013102 | 35    |              | Kinh tế vận tải hàng không           | 6   | 24/11/2023 | 9:30    | G207      | Tự luận            |         |
| 133 | 21DHNAATM                          | 010100121601 | 33    |              | Cú pháp học                          | 6   | 24/11/2023 | 9:30    | G202      | Trắc nghiệm online |         |
| 132 | 21DHNAATM                          | 010100121603 | 24    |              | Cú pháp học                          | 6   | 24/11/2023 | 9:30    | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 137 | 22DHTT04                           | 010100131703 | 37    |              | Lý thuyết đô thị                     | 6   | 24/11/2023 | 9:30    | G303      | Trắc nghiệm online |         |
| 136 | 22DHTT06                           | 010100131705 | 64    |              | Lý thuyết đô thị                     | 6   | 24/11/2023 | 9:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 138 | 23DHKL01;<br>23DHKL02              | 011100000304 | 119   | 1-60         | Pháp luật đại cương                  | 6   | 24/11/2023 | 9:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 139 | 23DHKL01;<br>23DHKL02              | 011100000304 | 119   | 61-119       | Pháp luật đại cương                  | 6   | 24/11/2023 | 9:30    | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 143 | 21DHQTVT3                          | 010100018803 | 54    |              | Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK     | 6   | 24/11/2023 | 12:30   | G113      | Tự luận            |         |
| 141 | 22DHTT01                           | 010100131701 | 64    |              | Lý thuyết đô thị                     | 6   | 24/11/2023 | 12:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 142 | 22DHTT02                           | 010100131702 | 62    |              | Lý thuyết đô thị                     | 6   | 24/11/2023 | 12:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 140 | 22DHTT05                           | 010100131704 | 65    |              | Lý thuyết đô thị                     | 6   | 24/11/2023 | 12:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 144 | 22DHXD01                           | 011100054801 | 41    |              | Tổng quan về HKDD                    | 6   | 24/11/2023 | 12:30   | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 145 | 23DHTT01;<br>23DHTT02              | 010100000314 | 129   | 66-129       | Pháp luật đại cương                  | 6   | 24/11/2023 | 14:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 147 | 23DHTT01;<br>23DHTT02              | 010100000314 | 129   | 1-65         | Pháp luật đại cương                  | 6   | 24/11/2023 | 14:30   | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 146 | 23DHTT03;<br>23DHTT04              | 010100000315 | 131   | 66-131       | Pháp luật đại cương                  | 6   | 24/11/2023 | 14:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 148 | 23DHTT03;<br>23DHTT04              | 010100000315 | 131   | 1-65         | Pháp luật đại cương                  | 6   | 24/11/2023 | 14:30   | G207      | Trắc nghiệm online |         |
| 149 | 21DHQTVT2                          | 010100018802 | 60    |              | Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK     | 6   | 24/11/2023 | 14:30   | G305      | Tự luận            |         |
| 150 | 21DHKL01                           | 010800033001 | 48    |              | Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không        | 6   | 24/11/2023 | 14:30   | G304      | Tự luận            |         |
| 152 | 23DHNL01;<br>23DHNL02              | 010100000308 | 120   | 1-60         | Pháp luật đại cương                  | 6   | 24/11/2023 | 16:30   | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 154 | 23DHNL01;<br>23DHNL02              | 010100000308 | 120   | 61-120       | Pháp luật đại cương                  | 6   | 24/11/2023 | 16:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 151 | 23DHQT01;<br>23DHQT02              | 010100000310 | 137   | 1-70         | Pháp luật đại cương                  | 6   | 24/11/2023 | 16:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 153 | 23DHQT01;<br>23DHQT02              | 010100000310 | 137   | 71-137       | Pháp luật đại cương                  | 6   | 24/11/2023 | 16:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 155 | 23DHDL01;<br>23DHDL02              | 010100000301 | 122   | 61-122       | Pháp luật đại cương                  | 7   | 25/11/2023 | 7:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 156 | 23DHDL01;<br>23DHDL02              | 010100000301 | 122   | 1-60         | Pháp luật đại cương                  | 7   | 25/11/2023 | 7:30    | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 157 | 23DHDL03;<br>23DHKT03              | 010100000302 | 73    |              | Pháp luật đại cương                  | 7   | 25/11/2023 | 7:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 159 | 23DHKL03;<br>23DHTT05;<br>23DHTT06 | 010100000316 | 141   | 1-70         | Pháp luật đại cương                  | 7   | 25/11/2023 | 9:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 160 | 23DHKL03;<br>23DHTT05;<br>23DHTT06 | 010100000316 | 141   | 71-142       | Pháp luật đại cương                  | 7   | 25/11/2023 | 9:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 158 | 21DHQTDL                           | 010100022401 | 60    |              | Kinh tế du lịch                      | 7   | 25/11/2023 | 9:30    | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 162 | 21DHTT01;<br>21DHTT02              | 010100001306 | 119   | 1-60         | Pháp luật hàng không                 | 7   | 25/11/2023 | 12:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 163 | 21DHTT01;<br>21DHTT02              | 010100001306 | 119   | 61-119       | Pháp luật hàng không                 | 7   | 25/11/2023 | 12:30   | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 164 | 21DHNAHK                           | 010100094302 | 33    |              | Văn hóa Anh - Mỹ                     | 7   | 25/11/2023 | 12:30   | G609      | Trắc nghiệm online |         |
| 161 | 21DHTĐ01;<br>21DHTĐ02              | 011100000302 | 79    |              | Pháp luật đại cương                  | 7   | 25/11/2023 | 12:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 167 | 21DHQTVT1;<br>21DHQTVT2            | 010100001305 | 65    |              | Pháp luật hàng không                 | 7   | 25/11/2023 | 14:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 165 | 21DHQTVT3                          | 010100001307 | 68    |              | Pháp luật hàng không                 | 7   | 25/11/2023 | 14:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 166 | 21DHQTC3;<br>21DHQTC4              | 010100001308 | 61    |              | Pháp luật hàng không                 | 7   | 25/11/2023 | 14:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 168 | 21DHNAHK                           | 010100094303 | 31    |              | Văn hóa Anh - Mỹ                     | 7   | 25/11/2023 | 14:30   | G608      | Trắc nghiệm online |         |
| 169 | 23DHQT07;<br>23DHQT08;<br>23DHQT09 | 010100000313 | 201   | 1-66         | Pháp luật đại cương                  | 7   | 25/11/2023 | 16:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 170 | 23DHQT07;<br>23DHQT08;<br>23DHQT09 | 010100000313 | 201   | 67-133       | Pháp luật đại cương                  | 7   | 25/11/2023 | 16:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 171 | 23DHQT07;<br>23DHQT08;<br>23DHQT09 | 010100000313 | 201   | 134-201      | Pháp luật đại cương                  | 7   | 25/11/2023 | 16:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 175 | QTKDCHK1-K9                        | 010100098101 | 1     |              | Chuyên đề Pháp luật Hàng không       | 2   | 27/11/2023 | 7:30    | G201      | Tự luận            |         |
| 174 | 17DHKL01                           | 010800157201 | 1     |              | Chuyên đề Khí động lực học cơ bản    | 2   | 27/11/2023 | 7:30    | G201      | Tự luận            |         |
| 172 | 22GĐKL01                           | 030100008101 | 24    |              | An toàn hàng không                   | 2   | 27/11/2023 | 7:30    | G201      | Tự luận            |         |
| 173 | 23GĐCK01                           | 030100060402 | 36    |              | An toàn sân đỗ                       | 2   | 27/11/2023 | 7:30    | G113      | Tự luận            |         |
| 176 | 22GĐAN01                           | 030100061201 | 30    |              | Thiết bị an ninh hàng không          | 2   | 27/11/2023 | 7:30    | G202      | Tự luận            |         |
| 180 | 22DHTT03                           | 010100084903 | 52    |              | Mạng máy tính                        | 2   | 27/11/2023 | 9:30    | G203      | Trắc nghiệm online |         |

| STT | Lớp học                 | Mã LHP       | St số | Từ số<br>thứ tự | Môn thi                                     | Thứ | Ngày thi   | Giờ thi | Phòng thi | Hình thức thi      | Ghi chú |
|-----|-------------------------|--------------|-------|-----------------|---------------------------------------------|-----|------------|---------|-----------|--------------------|---------|
| 181 | 22DHTT02                | 010100084904 | 65    |                 | Mạng máy tính                               | 2   | 27/11/2023 | 9:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 182 | 22DHTT01                | 010100084905 | 63    |                 | Mạng máy tính                               | 2   | 27/11/2023 | 9:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 177 | QTKDCHK1-<br>K9         | 010100098001 | 1     |                 | Chuyên đề Quản trị thiết bị cảng hàng không | 2   | 27/11/2023 | 9:30    | G113      | Tự luận            |         |
| 179 | 21ĐHKT01                | 010800065401 | 56    |                 | Động cơ piston                              | 2   | 27/11/2023 | 9:30    | G406      | Tự luận            |         |
| 178 | 22ĐHKL02                | 011100082001 | 46    |                 | Dẫn đường hàng không                        | 2   | 27/11/2023 | 9:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 187 | 21ĐHQTC1;<br>21ĐHQTC2   | 010100001301 | 119   | 1-60            | Pháp luật hàng không                        | 2   | 27/11/2023 | 12:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 188 | 21ĐHQTC1;<br>21ĐHQTC2   | 010100001301 | 119   | 61-119          | Pháp luật hàng không                        | 2   | 27/11/2023 | 12:30   | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 186 | 21ĐHKL01                | 010800074301 | 48    |                 | Dịch vụ kiểm soát tại sân                   | 2   | 27/11/2023 | 12:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 184 | 22ĐHKL01                | 011100003601 | 61    |                 | Dịch vụ không lưu                           | 2   | 27/11/2023 | 12:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 185 | 22ĐCKL01                | 030100004301 | 26    |                 | Dịch vụ kiểm soát tại sân                   | 2   | 27/11/2023 | 12:30   | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 183 | 22CDAN01                | 030100026301 | 31    |                 | Bảo vệ tàu bay                              | 2   | 27/11/2023 | 12:30   | G202      | Tự luận            |         |
| 191 | 23ĐHQ T07               | 010100058707 | 67    |                 | Quản trị học                                | 2   | 27/11/2023 | 14:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 192 | 23ĐHQ T08               | 010100058708 | 67    |                 | Quản trị học                                | 2   | 27/11/2023 | 14:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 193 | 23ĐHQ T09               | 010100058709 | 69    |                 | Quản trị học                                | 2   | 27/11/2023 | 14:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 189 | 22ĐHKL01                | 011100004001 | 61    |                 | Dịch vụ thông báo tin tức Hàng không        | 2   | 27/11/2023 | 14:30   | G113      | Tự luận            |         |
| 190 | 22ĐCKL01                | 030100031601 | 26    |                 | Dịch vụ thông báo tin tức hàng không        | 2   | 27/11/2023 | 14:30   | G201      | Tự luận            |         |
| 194 | 23ĐCK01                 | 030100061501 | 33    |                 | Vật lý kỹ thuật                             | 2   | 27/11/2023 | 14:30   | G203      | Tự luận            |         |
| 197 | 23ĐHQ T06               | 010100058706 | 67    |                 | Quản trị học                                | 2   | 27/11/2023 | 16:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 195 | 23ĐHNL02                | 010100058711 | 60    |                 | Quản trị học                                | 2   | 27/11/2023 | 16:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 196 | 23ĐHNL03                | 010100058712 | 60    |                 | Quản trị học                                | 2   | 27/11/2023 | 16:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 202 | 23DHTT03;<br>23DHTT04   | 010100000103 | 80    |                 | Tổng quan về Hàng không dân dụng            | 3   | 28/11/2023 | 7:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 198 | 22DHTĐ01                | 011100014603 | 31    |                 | Điện tử công suất                           | 3   | 28/11/2023 | 7:30    | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 199 | 22DHTĐ02                | 011100014604 | 51    |                 | Điện tử công suất                           | 3   | 28/11/2023 | 7:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 200 | 22ĐHKL02                | 011100081101 | 61    |                 | Động cơ tàu bay                             | 3   | 28/11/2023 | 7:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 201 | 22ĐCKL01                | 030100099701 | 25    |                 | Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 2    | 3   | 28/11/2023 | 7:30    | G202      | Trắc nghiệm online |         |
| 205 | 22DHTT06                | 010100085401 | 65    |                 | Lập trình Web                               | 3   | 28/11/2023 | 9:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 206 | 22DHTT05                | 010100085402 | 65    |                 | Lập trình Web                               | 3   | 28/11/2023 | 9:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 207 | 22DHTT04                | 010100085403 | 65    |                 | Lập trình Web                               | 3   | 28/11/2023 | 9:30    | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 203 | 20ĐHĐT02                | 011100036801 | 31    |                 | Kỹ thuật siêu cao tần                       | 3   | 28/11/2023 | 9:30    | G204      | Tự luận            |         |
| 204 | 20ĐHĐT01                | 011100036802 | 57    |                 | Kỹ thuật siêu cao tần                       | 3   | 28/11/2023 | 9:30    | G113      | Tự luận            |         |
| 210 | 22DHTT03                | 010100085404 | 33    |                 | Lập trình Web                               | 3   | 28/11/2023 | 12:30   | G303      | Trắc nghiệm online |         |
| 211 | 22DHTT01                | 010100085405 | 65    |                 | Lập trình Web                               | 3   | 28/11/2023 | 12:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 208 | 22DHTĐ02                | 011100009501 | 40    |                 | Kỹ thuật lập trình                          | 3   | 28/11/2023 | 12:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 209 | 22DHTĐ01                | 011100009502 | 54    |                 | Kỹ thuật lập trình                          | 3   | 28/11/2023 | 12:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 212 | 20ĐHĐT01                | 011100041701 | 25    |                 | Nguyên lý truyền thông                      | 3   | 28/11/2023 | 12:30   | G201      | Tự luận            |         |
| 216 | 23DHTT05;<br>23DHTT06   | 010100000105 | 96    | 1-50            | Tổng quan về Hàng không dân dụng            | 3   | 28/11/2023 | 14:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 217 | 23DHTT05;<br>23DHTT06   | 010100000105 | 96    | 51-96           | Tổng quan về Hàng không dân dụng            | 3   | 28/11/2023 | 14:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 213 | 23ĐHQ T03;<br>23ĐHQ T04 | 010100000311 | 136   | 66-136          | Pháp luật đại cương                         | 3   | 28/11/2023 | 14:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 214 | 23ĐHQ T03;<br>23ĐHQ T04 | 010100000311 | 136   | 1-65            | Pháp luật đại cương                         | 3   | 28/11/2023 | 14:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 215 | 19ĐHĐT01                | 011100027701 | 21    |                 | Tiếng Anh chuyên ngành ĐT-VT                | 3   | 28/11/2023 | 14:30   | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 218 | 23ĐHQ T04               | 010100017704 | 76    | 1-35            | Lý thuyết xác suất - thống kê               | 3   | 28/11/2023 | 16:30   | G202      | Trắc nghiệm online |         |
| 219 | 23ĐHQ T04               | 010100017704 | 76    | 36-76           | Lý thuyết xác suất - thống kê               | 3   | 28/11/2023 | 16:30   | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 221 | 23ĐHQ T01               | 010100058701 | 73    |                 | Quản trị học                                | 3   | 28/11/2023 | 16:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 222 | 23ĐHQ T02               | 010100058702 | 64    |                 | Quản trị học                                | 3   | 28/11/2023 | 16:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 220 | 23ĐHDL01                | 010100058714 | 60    |                 | Quản trị học                                | 3   | 28/11/2023 | 16:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 225 | 23ĐHNA03;<br>23ĐHNA04   | 010100000306 | 135   | 1-65            | Pháp luật đại cương                         | 4   | 29/11/2023 | 7:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 226 | 23ĐHNA03;<br>23ĐHNA04   | 010100000306 | 135   | 66-135          | Pháp luật đại cương                         | 4   | 29/11/2023 | 7:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 229 | 22ĐHNL02                | 010100017101 | 57    |                 | Quản trị tài chính                          | 4   | 29/11/2023 | 7:30    | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 227 | 20ĐHKL01                | 010800006501 | 50    |                 | Quản lý hoạt động bay                       | 4   | 29/11/2023 | 7:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 223 | 22ĐHKT01                | 011100105501 | 60    |                 | Khí động học 1                              | 4   | 29/11/2023 | 7:30    | G406      | Tự luận            |         |
| 224 | 22ĐHKT02                | 011100105502 | 47    |                 | Khí động học 1                              | 4   | 29/11/2023 | 7:30    | G303      | Tự luận            |         |
| 228 | 21ĐCKL01                | 030100006501 | 39    |                 | Quản lý hoạt động bay                       | 4   | 29/11/2023 | 7:30    | G207      | Trắc nghiệm online |         |
| 233 | 23DHTT06                | 010100000108 | 77    |                 | Tổng quan về Hàng không dân dụng            | 4   | 29/11/2023 | 9:30    | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 230 | 23ĐHNA01;<br>23ĐHNA02   | 010100000305 | 136   | 66-136          | Pháp luật đại cương                         | 4   | 29/11/2023 | 9:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 231 | 23ĐHNA01;<br>23ĐHNA02   | 010100000305 | 136   | 1-65            | Pháp luật đại cương                         | 4   | 29/11/2023 | 9:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 234 | 22CDAN01                | 030100000101 | 38    |                 | Tổng quan về Hàng không dân dụng            | 4   | 29/11/2023 | 9:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 232 | 23CDAN01                | 030100059701 | 28    |                 | Tiếng Anh                                   | 4   | 29/11/2023 | 9:30    | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 241 | 22ĐHNL01                | 010100000107 | 60    |                 | Tổng quan về Hàng không dân dụng            | 4   | 29/11/2023 | 12:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 236 | 22DHTT05                | 010100084901 | 65    |                 | Mạng máy tính                               | 4   | 29/11/2023 | 12:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 237 | 22DHTT06                | 010100084902 | 65    |                 | Mạng máy tính                               | 4   | 29/11/2023 | 12:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 238 | 20ĐHKL01                | 010800029301 | 49    |                 | Thiết kế và tổ chức vùng trời               | 4   | 29/11/2023 | 12:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 239 | 20ĐHĐT01;<br>20ĐHĐT02   | 011100015401 | 75    | 1-45            | Thông tin quang                             | 4   | 29/11/2023 | 12:30   | G203      | Tự luận            |         |
| 240 | 20ĐHĐT01;<br>20ĐHĐT02   | 011100015401 | 75    | 45-75           | Thông tin quang                             | 4   | 29/11/2023 | 12:30   | G204      | Tự luận            |         |
| 235 | 22ĐCK01                 | 030100066701 | 23    |                 | Hệ thống cơ khí tàu bay 1                   | 4   | 29/11/2023 | 12:30   | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 247 | 22ĐHNL01                | 010100017102 | 54    |                 | Quản trị tài chính                          | 4   | 29/11/2023 | 14:30   | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 244 | 22ĐHKV03                | 010100145101 | 41    |                 | Luật vận tải                                | 4   | 29/11/2023 | 14:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 245 | 22ĐHKV02                | 010100145102 | 60    |                 | Luật vận tải                                | 4   | 29/11/2023 | 14:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 246 | 22ĐHKV01                | 010100145103 | 60    |                 | Luật vận tải                                | 4   | 29/11/2023 | 14:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 242 | 20ĐHĐT01;<br>20ĐHĐT02   | 011100014502 | 71    |                 | Điện tử thông tin                           | 4   | 29/11/2023 | 14:30   | G406      | Tự luận            |         |
| 243 | 22ĐCK01                 | 030100053701 | 25    |                 | Động cơ turbine khí                         | 4   | 29/11/2023 | 14:30   | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 251 | 22ĐHNL02                | 010100000106 | 65    |                 | Tổng quan về Hàng không dân dụng            | 4   | 29/11/2023 | 16:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 248 | 23ĐHQ T03               | 010100058703 | 69    |                 | Quản trị học                                | 4   | 29/11/2023 | 16:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 249 | 23ĐHQ T04               | 010100058704 | 70    |                 | Quản trị học                                | 4   | 29/11/2023 | 16:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 250 | 23ĐHQ T05               | 010100058705 | 68    |                 | Quản trị học                                | 4   | 29/11/2023 | 16:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 260 | 23DHTT01;<br>23DHTT02   | 010100000101 | 133   | 1-70            | Tổng quan về Hàng không dân dụng            | 5   | 30/11/2023 | 7:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 261 | 23DHTT01;<br>23DHTT02   | 010100000101 | 133   | 71-133          | Tổng quan về Hàng không dân dụng            | 5   | 30/11/2023 | 7:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 255 | 21ĐHQ TVT3              | 010100018107 | 60    |                 | Cơ sở hạ tầng Cảng HK                       | 5   | 30/11/2023 | 7:30    | G406      | Tự luận            |         |
| 256 | 22ĐHDL02                | 010100080703 | 49    |                 | Địa lý du lịch                              | 5   | 30/11/2023 | 7:30    | G204      | Tự luận            |         |

| STT | Lớp học                            | Mã LHP       | St số | Từ số thứ tự | Môn thi                                                     | Thứ | Ngày thi   | Giờ thi | Phòng thi | Hình thức thi      | Ghi chú                |
|-----|------------------------------------|--------------|-------|--------------|-------------------------------------------------------------|-----|------------|---------|-----------|--------------------|------------------------|
| 259 | 23ĐHKL03                           | 011100003003 | 36    |              | Sân bay                                                     | 5   | 30/11/2023 | 7:30    | G113      | Trắc nghiệm online |                        |
| 257 | 22ĐHTĐ01                           | 011100010101 | 54    |              | Điện tử số                                                  | 5   | 30/11/2023 | 7:30    | G303      | Tự luận            |                        |
| 258 | 22ĐHTĐ02                           | 011100010102 | 46    |              | Điện tử số                                                  | 5   | 30/11/2023 | 7:30    | G304      | Tự luận            |                        |
| 253 | 23CDAN01;<br>23CĐCK01;<br>23CĐKL01 | 030100059001 | 81    | 1-42         | Chính trị                                                   | 5   | 30/11/2023 | 7:30    | G203      | Trắc nghiệm online |                        |
| 254 | 23CDAN01;<br>23CĐCK01;<br>23CĐKL01 | 030100059001 | 81    | 43-84        | Chính trị                                                   | 5   | 30/11/2023 | 7:30    | G207      | Trắc nghiệm online |                        |
| 252 | 22CĐCK01                           | 030100066501 | 21    |              | Cánh quạt tàu bay                                           | 5   | 30/11/2023 | 7:30    | G201      | Trắc nghiệm online |                        |
| 262 | 21ĐHQTC1                           | 010100018101 | 61    |              | Cơ sở hạ tầng Cảng HK                                       | 5   | 30/11/2023 | 9:30    | G205      | Tự luận            |                        |
| 263 | 21ĐHQTC2                           | 010100018102 | 61    |              | Cơ sở hạ tầng Cảng HK                                       | 5   | 30/11/2023 | 9:30    | G305      | Tự luận            |                        |
| 264 | 21ĐHQTC3                           | 010100018103 | 61    |              | Cơ sở hạ tầng Cảng HK                                       | 5   | 30/11/2023 | 9:30    | G406      | Tự luận            |                        |
| 265 | 21ĐHQTVT1                          | 010100018105 | 40    |              | Cơ sở hạ tầng Cảng HK                                       | 5   | 30/11/2023 | 9:30    | G303      | Tự luận            |                        |
| 266 | 21ĐHQTVT2                          | 010100018106 | 42    |              | Cơ sở hạ tầng Cảng HK                                       | 5   | 30/11/2023 | 9:30    | G304      | Tự luận            |                        |
| 270 | 23ĐHNA02                           | 010100084303 | 44    |              | Ngữ pháp 1                                                  | 5   | 30/11/2023 | 9:30    | G204      | Trắc nghiệm online |                        |
| 268 | 23ĐHNA05                           | 010100084305 | 44    |              | Ngữ pháp 1                                                  | 5   | 30/11/2023 | 9:30    | G113      | Trắc nghiệm online |                        |
| 269 | 23ĐHNA07                           | 010100084306 | 37    |              | Ngữ pháp 1                                                  | 5   | 30/11/2023 | 9:30    | G203      | Trắc nghiệm online |                        |
| 271 | 23ĐHNA07                           | 010100084312 | 27    |              | Ngữ pháp 1                                                  | 5   | 30/11/2023 | 9:30    | G202      | Trắc nghiệm online |                        |
| 272 | 21ĐHNAHK                           | 010100122301 | 33    |              | Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 1    | 5   | 30/11/2023 | 9:30    | G301      | Trắc nghiệm online |                        |
| 273 | 21CDAN01                           | 030100000102 | 47    |              | Tổng quan về Hàng không dân dụng                            | 5   | 30/11/2023 | 9:30    | G207      | Trắc nghiệm online |                        |
| 267 | 22CĐCK01                           | 030100068301 | 23    |              | Hệ thống điện tàu bay                                       | 5   | 30/11/2023 | 9:30    | G201      | Trắc nghiệm online |                        |
| 284 | 23ĐHTT03;<br>23ĐHTT04              | 010100000109 | 70    |              | Tổng quan về Hàng không dân dụng                            | 5   | 30/11/2023 | 12:30   | G305      | Trắc nghiệm online |                        |
| 277 | 22DHDL01                           | 010100080702 | 60    |              | Địa lý du lịch                                              | 5   | 30/11/2023 | 12:30   | G406      | Tự luận            |                        |
| 280 | 23ĐHNA03                           | 010100084302 | 42    |              | Ngữ pháp 1                                                  | 5   | 30/11/2023 | 12:30   | G203      | Trắc nghiệm online |                        |
| 281 | 23ĐHNA04                           | 010100084304 | 46    |              | Ngữ pháp 1                                                  | 5   | 30/11/2023 | 12:30   | G113      | Trắc nghiệm online |                        |
| 282 | 23ĐHNA06                           | 010100084307 | 45    |              | Ngữ pháp 1                                                  | 5   | 30/11/2023 | 12:30   | G204      | Trắc nghiệm online |                        |
| 278 | 21ĐHNA07                           | 010100093202 | 27    |              | Đọc - Viết 6                                                | 5   | 30/11/2023 | 12:30   | G504      | Tự luận            |                        |
| 283 | 21ĐHNAHK                           | 010100095301 | 33    |              | Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 1 | 5   | 30/11/2023 | 12:30   | G304      | Trắc nghiệm online |                        |
| 279 | 21ĐHKTT01                          | 010800105601 | 54    |              | Kết cấu Hàng không 2                                        | 5   | 30/11/2023 | 12:30   | G303      | Tự luận            |                        |
| 275 | 19ĐHĐT01                           | 011100014801 | 24    |              | Cơ sở điều khiển tự động                                    | 5   | 30/11/2023 | 12:30   | G201      | Tự luận            |                        |
| 276 | 19ĐHĐT02                           | 011100014802 | 52    |              | Cơ sở điều khiển tự động                                    | 5   | 30/11/2023 | 12:30   | G207      | Tự luận            |                        |
| 274 | 23CĐTM01                           | 030100059002 | 60    |              | Chính trị                                                   | 5   | 30/11/2023 | 12:30   | G205      | Trắc nghiệm online |                        |
| 287 | 21ĐHNAHK                           | 010100093201 | 33    |              | Đọc - Viết 6                                                | 5   | 30/11/2023 | 14:30   | G203      | Tự luận            |                        |
| 286 | 21ĐHNA07                           | 010100093204 | 30    |              | Đọc - Viết 6                                                | 5   | 30/11/2023 | 14:30   | G601      | Tự luận            |                        |
| 285 | 20ĐHKTT01                          | 010800054201 | 67    |              | Các hệ thống trên tàu bay 2                                 | 5   | 30/11/2023 | 14:30   | G205      | Trắc nghiệm online |                        |
| 292 | 21ĐHKTT01                          | 010800102801 | 49    |              | Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 1                               | 5   | 30/11/2023 | 14:30   | G113      | Trắc nghiệm online |                        |
| 290 | 23ĐHKL01                           | 011100003001 | 61    |              | Sân bay                                                     | 5   | 30/11/2023 | 14:30   | G305      | Trắc nghiệm online |                        |
| 291 | 23ĐHKL02                           | 011100003002 | 61    |              | Sân bay                                                     | 5   | 30/11/2023 | 14:30   | G406      | Trắc nghiệm online |                        |
| 288 | 23CĐTM01                           | 030100060701 | 62    | 1-30         | Nhận thức về an toàn về sinh lao động                       | 5   | 30/11/2023 | 14:30   | G201      | Tự luận            |                        |
| 289 | 23CĐTM01                           | 030100060701 | 62    | 31-62        | Nhận thức về an toàn về sinh lao động                       | 5   | 30/11/2023 | 14:30   | G307      | Tự luận            |                        |
| 298 | 23ĐHNL01                           | 010100058710 | 60    |              | Quản trị học                                                | 5   | 30/11/2023 | 16:30   | G205      | Trắc nghiệm online |                        |
| 297 | 23ĐHNL04                           | 010100058713 | 33    |              | Quản trị học                                                | 5   | 30/11/2023 | 16:30   | G201      | Trắc nghiệm online |                        |
| 296 | 23ĐHDL02;<br>23ĐHDL03              | 010100058715 | 97    | 1-50         | Quản trị học                                                | 5   | 30/11/2023 | 16:30   | G113      | Trắc nghiệm online |                        |
| 299 | 23ĐHDL02;<br>23ĐHDL03              | 010100058715 | 97    | 51-97        | Quản trị học                                                | 5   | 30/11/2023 | 16:30   | G204      | Trắc nghiệm online |                        |
| 300 | 23ĐAQTT01                          | 010100058720 | 47    |              | Quản trị học (Introduction to Management)                   | 5   | 30/11/2023 | 16:30   | G203      | Trắc nghiệm online |                        |
| 293 | 20ĐHKTT01                          | 010800062101 | 68    |              | Động cơ tua bin khí 2                                       | 5   | 30/11/2023 | 16:30   | G305      | Tự luận            |                        |
| 294 | 22ĐHKTT02                          | 011100064101 | 41    |              | Kỹ thuật nhiệt                                              | 5   | 30/11/2023 | 16:30   | G207      | Tự luận            |                        |
| 295 | 22ĐHKTT01                          | 011100064102 | 60    |              | Kỹ thuật nhiệt                                              | 5   | 30/11/2023 | 16:30   | G406      | Tự luận            |                        |
| 308 | 22ĐHQTT03                          | 010100010903 | 60    |              | Kinh tế lượng                                               | 6   | 01/12/2023 | 7:30    | G406      | Tự luận            |                        |
| 304 | 23ĐHTT03                           | 010100037303 | 69    |              | Cơ sở dữ liệu                                               | 6   | 01/12/2023 | 7:30    | G205      | Trắc nghiệm online |                        |
| 306 | 23ĐHNA01                           | 010100084201 | 46    |              | Đọc - Viết 1                                                | 6   | 01/12/2023 | 7:30    | G304      | Tự luận            |                        |
| 307 | 23ĐHNA07                           | 010100084207 | 39    |              | Đọc - Viết 1                                                | 6   | 01/12/2023 | 7:30    | G608      | Tự luận            |                        |
| 305 | 19ĐHĐT02                           | 011100014602 | 62    |              | Điện tử công suất                                           | 6   | 01/12/2023 | 7:30    | G305      | Trắc nghiệm online |                        |
| 303 | 22ĐHĐT02                           | 011100014804 | 38    |              | Cơ sở điều khiển tự động                                    | 6   | 01/12/2023 | 7:30    | G303      | Tự luận            |                        |
| 309 | 21ĐHĐT02                           | 011100111908 | 40    |              | Tiếng Anh 3                                                 | 6   | 01/12/2023 | 7:30    | G203      | Trắc nghiệm online |                        |
| 302 | 22ĐHDXD01                          | 011100115801 | 24    |              | Cơ học đất                                                  | 6   | 01/12/2023 | 7:30    | G201      | Trắc nghiệm online |                        |
| 301 | 22CĐTM01                           | 030100052201 | 50    |              | Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp                    | 6   | 01/12/2023 | 7:30    | G207      | Tự luận            |                        |
| 310 | 21ĐHNAHK                           | 010100146402 | 35    |              | Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 4                                   | 6   | 01/12/2023 | 9:30    | G303      | Trắc nghiệm online | Đọc - Nghe tiếng Hàn 4 |
| 317 | 23ĐHTT06                           | 010100037306 | 44    |              | Cơ sở dữ liệu                                               | 6   | 01/12/2023 | 9:30    | G207      | Trắc nghiệm online |                        |
| 318 | 21ĐHTT01                           | 010100086101 | 40    |              | Quản trị dự án CNTT                                         | 6   | 01/12/2023 | 9:30    | G608      | Trắc nghiệm online |                        |
| 311 | 23ĐHĐT01                           | 011100009201 | 73    |              | An toàn điện                                                | 6   | 01/12/2023 | 9:30    | G205      | Trắc nghiệm online |                        |
| 312 | 23ĐHTĐ01                           | 011100009203 | 50    |              | An toàn điện                                                | 6   | 01/12/2023 | 9:30    | G113      | Trắc nghiệm online |                        |
| 313 | 23ĐHTĐ02                           | 011100009204 | 56    |              | An toàn điện                                                | 6   | 01/12/2023 | 9:30    | G203      | Trắc nghiệm online |                        |
| 315 | 22ĐHĐT01                           | 011100014803 | 42    |              | Cơ sở điều khiển tự động                                    | 6   | 01/12/2023 | 9:30    | G407      | Tự luận            |                        |
| 316 | 22ĐHKTT01                          | 011100014806 | 43    |              | Cơ sở điều khiển tự động                                    | 6   | 01/12/2023 | 9:30    | G304      | Tự luận            |                        |
| 319 | 21ĐHĐT02                           | 011100015701 | 25    |              | Truyền số liệu và mạng máy tính                             | 6   | 01/12/2023 | 9:30    | G201      | Tự luận            |                        |
| 314 | 22CĐTM02                           | 030100052202 | 59    |              | Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp                    | 6   | 01/12/2023 | 9:30    | G305      | Tự luận            |                        |
| 320 | 21ĐHNAHK                           | 010100146402 | 35    |              | Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 4                                   | 6   | 01/12/2023 | 12:30   | G608      | Tự luận            | Viết - tiếng Hàn 4     |
| 327 | 23ĐHNL04                           | 010100010415 | 34    |              | Kinh tế vi mô                                               | 6   | 01/12/2023 | 12:30   | G201      | Trắc nghiệm online |                        |
| 328 | 23ĐHQTT06                          | 010100017706 | 70    |              | Lý thuyết xác suất - thống kê                               | 6   | 01/12/2023 | 12:30   | G205      | Trắc nghiệm online |                        |
| 330 | 21ĐHQTC1                           | 010100070802 | 50    |              | Thương mại điện tử                                          | 6   | 01/12/2023 | 12:30   | G305      | Tự luận            |                        |
| 326 | 23ĐHNA02                           | 010100084202 | 45    |              | Đọc - Viết 1                                                | 6   | 01/12/2023 | 12:30   | G304      | Tự luận            |                        |
| 323 | 23ĐHNA03;<br>23ĐHNA04              | 010100084209 | 45    |              | Đọc - Viết 1                                                | 6   | 01/12/2023 | 12:30   | G203      | Tự luận            |                        |
| 324 | 23ĐHNA05;<br>23ĐHNA06              | 010100084210 | 44    |              | Đọc - Viết 1                                                | 6   | 01/12/2023 | 12:30   | G303      | Tự luận            |                        |
| 325 | 23ĐHNA07                           | 010100084211 | 25    |              | Đọc - Viết 1                                                | 6   | 01/12/2023 | 12:30   | G504      | Tự luận            |                        |
| 322 | 21ĐHKL01                           | 010800067501 | 48    |              | Dịch vụ kiểm soát tiếp cận                                  | 6   | 01/12/2023 | 12:30   | G113      | Trắc nghiệm online |                        |
| 321 | 22ĐHKTT02                          | 011100014805 | 43    |              | Cơ sở điều khiển tự động                                    | 6   | 01/12/2023 | 12:30   | G204      | Tự luận            |                        |
| 334 | 21ĐHĐT01                           | 011100015702 | 59    |              | Truyền số liệu và mạng máy tính                             | 6   | 01/12/2023 | 12:30   | G406      | Tự luận            |                        |
| 329 | 22CDAN01                           | 030100024801 | 35    |              | Pháp luật về an ninh HK, an ninh trật tự                    | 6   | 01/12/2023 | 12:30   | G202      | Trắc nghiệm online |                        |
| 333 | 21CĐTM01                           | 030100031002 | 25    |              | Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PVHH                              | 6   | 01/12/2023 | 12:30   | G307      | Trắc nghiệm online |                        |
| 331 | 23CĐKL01                           | 030100059702 | 29    |              | Tiếng Anh                                                   | 6   | 01/12/2023 | 12:30   | G301      | Trắc nghiệm online |                        |
| 332 | 23CĐTM01                           | 030100059703 | 30    |              | Tiếng Anh                                                   | 6   | 01/12/2023 | 12:30   | G408      | Trắc nghiệm online |                        |
| 336 | 23ĐHTT01                           | 010100037301 | 62    |              | Cơ sở dữ liệu                                               | 6   | 01/12/2023 | 14:30   | G305      | Trắc nghiệm online |                        |
| 337 | 23ĐHTT02                           | 010100037302 | 68    |              | Cơ sở dữ liệu                                               | 6   | 01/12/2023 | 14:30   | G406      | Trắc nghiệm online |                        |
| 335 | 23ĐHTT04                           | 010100037304 | 64    |              | Cơ sở dữ liệu                                               | 6   | 01/12/2023 | 14:30   | G205      | Trắc nghiệm online |                        |
| 338 | 23ĐHNA03                           | 010100084203 | 43    |              | Đọc - Viết 1                                                | 6   | 01/12/2023 | 14:30   | G113      | Tự luận            |                        |
| 339 | 23ĐHNA04                           | 010100084204 | 46    |              | Đọc - Viết 1                                                | 6   | 01/12/2023 | 14:30   | G203      | Tự luận            |                        |

| STT | Lớp học               | Mã LHP       | St số | Từ số thứ tự | Môn thi                                          | Thứ | Ngày thi   | Giờ thi | Phòng thi | Hình thức thi      | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------|-------|--------------|--------------------------------------------------|-----|------------|---------|-----------|--------------------|---------|
| 340 | 23ĐHNA05              | 010100084205 | 44    |              | Đọc - Viết 1                                     | 6   | 01/12/2023 | 14:30   | G204      | Tự luận            |         |
| 341 | 23ĐHNA06              | 010100084206 | 45    |              | Đọc - Viết 1                                     | 6   | 01/12/2023 | 14:30   | G303      | Tự luận            |         |
| 343 | 21ĐHTT02              | 010100086102 | 57    |              | Quản trị dự án CNTT                              | 6   | 01/12/2023 | 14:30   | G304      | Trắc nghiệm online |         |
| 342 | 22ĐHNA01              | 010100132203 | 20    |              | Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2                        | 6   | 01/12/2023 | 14:30   | G202      | Trắc nghiệm online |         |
| 344 | 23CĐTM01              | 030100059706 | 31    |              | Tiếng Anh                                        | 6   | 01/12/2023 | 14:30   | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 345 | 23ĐHQT08              | 010100017708 | 68    |              | Lý thuyết xác suất - thống kê                    | 6   | 01/12/2023 | 16:30   | G407      | Trắc nghiệm online |         |
| 346 | 23ĐHTT01              | 010100052501 | 62    |              | Nhập môn ngành CNTT                              | 6   | 01/12/2023 | 16:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 347 | 23ĐHTT02              | 010100052502 | 67    |              | Nhập môn ngành CNTT                              | 6   | 01/12/2023 | 16:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 348 | 23ĐHTT03              | 010100052503 | 66    |              | Nhập môn ngành CNTT                              | 6   | 01/12/2023 | 16:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 355 | 23ĐHQT09              | 010100010401 | 74    |              | Kinh tế vi mô                                    | 7   | 02/12/2023 | 7:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 356 | 23ĐHQT08              | 010100010402 | 68    |              | Kinh tế vi mô                                    | 7   | 02/12/2023 | 7:30    | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 357 | 23ĐHDL03              | 010100017716 | 37    |              | Lý thuyết xác suất - thống kê                    | 7   | 02/12/2023 | 7:30    | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 350 | 23ĐHTT05              | 010100037305 | 61    |              | Cơ sở dữ liệu                                    | 7   | 02/12/2023 | 7:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 349 | 21ĐHTT01              | 010100087501 | 50    |              | An toàn và bảo mật thông tin                     | 7   | 02/12/2023 | 7:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 351 | 22ĐHNA03              | 010100093001 | 40    |              | Đọc - Viết 4                                     | 7   | 02/12/2023 | 7:30    | G204      | Tự luận            |         |
| 352 | 22ĐHNA02              | 010100093002 | 27    |              | Đọc - Viết 4                                     | 7   | 02/12/2023 | 7:30    | G307      | Tự luận            |         |
| 353 | 22ĐHNA01              | 010100093003 | 40    |              | Đọc - Viết 4                                     | 7   | 02/12/2023 | 7:30    | G303      | Tự luận            |         |
| 354 | 22ĐHNA01              | 010100093004 | 40    |              | Đọc - Viết 4                                     | 7   | 02/12/2023 | 7:30    | G304      | Tự luận            |         |
| 363 | 23ĐHDL02              | 010100010421 | 62    |              | Kinh tế vi mô                                    | 7   | 02/12/2023 | 9:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 364 | 23ĐHDL03              | 010100010422 | 38    |              | Kinh tế vi mô                                    | 7   | 02/12/2023 | 9:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 365 | 23ĐHDL01              | 010100010423 | 57    |              | Kinh tế vi mô                                    | 7   | 02/12/2023 | 9:30    | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 360 | 22ĐHQT01              | 010100010901 | 60    | 1-30         | Kinh tế lượng                                    | 7   | 02/12/2023 | 9:30    | G408      | Tự luận            |         |
| 362 | 22ĐHQT01              | 010100010901 | 60    | 31-60        | Kinh tế lượng                                    | 7   | 02/12/2023 | 9:30    | G501      | Tự luận            |         |
| 358 | 22ĐHQT04              | 010100010904 | 60    |              | Kinh tế lượng                                    | 7   | 02/12/2023 | 9:30    | G406      | Tự luận            |         |
| 359 | 22ĐHQT07              | 010100010907 | 61    | 1-30         | Kinh tế lượng                                    | 7   | 02/12/2023 | 9:30    | G301      | Tự luận            |         |
| 361 | 22ĐHQT07              | 010100010907 | 61    | 31-61        | Kinh tế lượng                                    | 7   | 02/12/2023 | 9:30    | G307      | Tự luận            |         |
| 366 | 23ĐHQT05              | 010100017705 | 68    |              | Lý thuyết xác suất - thống kê                    | 7   | 02/12/2023 | 9:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 367 | 23ĐHQT06              | 010100010403 | 71    |              | Kinh tế vi mô                                    | 7   | 02/12/2023 | 12:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 368 | 23ĐHQT04              | 010100010406 | 70    |              | Kinh tế vi mô                                    | 7   | 02/12/2023 | 12:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 369 | 23ĐHQT03              | 010100010408 | 71    |              | Kinh tế vi mô                                    | 7   | 02/12/2023 | 12:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 370 | 23ĐHNL01              | 010100017710 | 61    |              | Lý thuyết xác suất - thống kê                    | 7   | 02/12/2023 | 12:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 373 | 22ĐHQT05              | 010100010905 | 59    |              | Kinh tế lượng                                    | 7   | 02/12/2023 | 14:30   | G205      | Tự luận            |         |
| 377 | 23ĐHNA01              | 010100084301 | 46    |              | Ngữ pháp 1                                       | 7   | 02/12/2023 | 14:30   | G303      | Trắc nghiệm online |         |
| 374 | 23ĐHNA01;<br>23ĐHNA02 | 010100084308 | 46    |              | Ngữ pháp 1                                       | 7   | 02/12/2023 | 14:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 375 | 23ĐHNA05;<br>23ĐHNA06 | 010100084310 | 44    |              | Ngữ pháp 1                                       | 7   | 02/12/2023 | 14:30   | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 376 | 23ĐHNA03;<br>23ĐHNA04 | 010100084311 | 46    |              | Ngữ pháp 1                                       | 7   | 02/12/2023 | 14:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 371 | 21ĐHTT02              | 010100087502 | 31    |              | An toàn và bảo mật thông tin                     | 7   | 02/12/2023 | 14:30   | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 378 | 22ĐHNL01              | 010100118502 | 48    |              | Phân tích định lượng trong quản trị              | 7   | 02/12/2023 | 14:30   | G304      | Trắc nghiệm online |         |
| 372 | 22ĐHKL01              | 011100002901 | 61    |              | Khí tượng hàng không                             | 7   | 02/12/2023 | 14:30   | G305      | Tự luận            |         |
| 379 | 22ĐHQT06              | 010100010906 | 60    |              | Kinh tế lượng                                    | 7   | 02/12/2023 | 16:30   | G406      | Tự luận            |         |
| 380 | 23ĐHTT05              | 010100052504 | 61    |              | Nhập môn ngành CNTT                              | 7   | 02/12/2023 | 16:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 381 | 23ĐHTT04              | 010100052505 | 64    |              | Nhập môn ngành CNTT                              | 7   | 02/12/2023 | 16:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 382 | 23ĐHTT06              | 010100052506 | 44    |              | Nhập môn ngành CNTT                              | 7   | 02/12/2023 | 16:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 383 | 22ĐHNL02              | 010100118501 | 55    |              | Phân tích định lượng trong quản trị              | 7   | 02/12/2023 | 16:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 384 | 22ĐHQT07              | 010100011001 | 60    |              | Lý thuyết tài chính tiền tệ                      | 2   | 04/12/2023 | 7:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 385 | 22ĐHQT05              | 010100011003 | 58    |              | Lý thuyết tài chính tiền tệ                      | 2   | 04/12/2023 | 7:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 386 | 22ĐHQT04              | 010100011004 | 60    |              | Lý thuyết tài chính tiền tệ                      | 2   | 04/12/2023 | 7:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 391 | 22ĐHDL01              | 010100022101 | 60    |              | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch                      | 2   | 04/12/2023 | 7:30    | G207      | Tự luận            |         |
| 392 | 22ĐHDL02              | 010100022102 | 44    |              | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch                      | 2   | 04/12/2023 | 7:30    | G203      | Tự luận            |         |
| 387 | 22ĐHNA03              | 010100092501 | 40    | 11-20        | Nghe - Nói 4                                     | 2   | 04/12/2023 | 7:30    | G302      | Vấn đáp            |         |
| 388 | 22ĐHNA03              | 010100092501 | 40    | 21-30        | Nghe - Nói 4                                     | 2   | 04/12/2023 | 7:30    | G301      | Vấn đáp            |         |
| 389 | 22ĐHNA03              | 010100092501 | 40    | 31-40        | Nghe - Nói 4                                     | 2   | 04/12/2023 | 7:30    | G202      | Vấn đáp            |         |
| 390 | 22ĐHNA03              | 010100092501 | 40    | 1-10         | Nghe - Nói 4                                     | 2   | 04/12/2023 | 7:30    | G307      | Vấn đáp            |         |
| 395 | 23ĐAQT01              | 010100152601 | 50    |              | Principles of Business Statistics                | 2   | 04/12/2023 | 7:30    | G204      | Tự luận            |         |
| 396 | 20ĐHKT01              | 010800073901 | 68    |              | Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay       | 2   | 04/12/2023 | 7:30    | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 393 | 22CĐTM02              | 030100030301 | 59    | 1-30         | Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay | 2   | 04/12/2023 | 7:30    | G201      | Tự luận            |         |
| 394 | 22CĐTM02              | 030100030301 | 59    | 31-60        | Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay | 2   | 04/12/2023 | 7:30    | G303      | Tự luận            |         |
| 404 | TRAOĐOISV             | 010100011501 | 1     |              | Quản trị chiến lược (Strategic Management)       | 2   | 04/12/2023 | 9:30    | G303      | Tự luận            |         |
| 406 | 21ĐHQT02              | 010100070803 | 61    |              | Thương mại điện tử                               | 2   | 04/12/2023 | 9:30    | G305      | Tự luận            |         |
| 397 | 22ĐHNA02              | 010100092503 | 40    | 31-40        | Nghe - Nói 4                                     | 2   | 04/12/2023 | 9:30    | G201      | Vấn đáp            |         |
| 398 | 22ĐHNA02              | 010100092503 | 40    | 1-10         | Nghe - Nói 4                                     | 2   | 04/12/2023 | 9:30    | G202      | Vấn đáp            |         |
| 399 | 22ĐHNA02              | 010100092503 | 40    | 11-20        | Nghe - Nói 4                                     | 2   | 04/12/2023 | 9:30    | G301      | Vấn đáp            |         |
| 400 | 22ĐHNA02              | 010100092503 | 40    | 21-30        | Nghe - Nói 4                                     | 2   | 04/12/2023 | 9:30    | G302      | Vấn đáp            |         |
| 403 | 22ĐHKV02              | 010100109702 | 58    |              | Quản lý Hàng hóa                                 | 2   | 04/12/2023 | 9:30    | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 405 | 20ĐHKT01              | 010800074001 | 70    |              | Thực hành bảo dưỡng tàu bay 2                    | 2   | 04/12/2023 | 9:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 401 | 22CĐTM01              | 030100069101 | 52    |              | Phục vụ hành khách trong trường hợp đặc biệt     | 2   | 04/12/2023 | 9:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 402 | 22CĐTM02              | 030100069102 | 53    |              | Phục vụ hành khách trong trường hợp đặc biệt     | 2   | 04/12/2023 | 9:30    | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 409 | 22ĐHQT06              | 010100011002 | 27    |              | Lý thuyết tài chính tiền tệ                      | 2   | 04/12/2023 | 12:30   | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 407 | 22ĐHQT02              | 010100011006 | 60    |              | Lý thuyết tài chính tiền tệ                      | 2   | 04/12/2023 | 12:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 408 | 22ĐHQT01              | 010100011007 | 59    |              | Lý thuyết tài chính tiền tệ                      | 2   | 04/12/2023 | 12:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 410 | 23ĐHQT09              | 010100017709 | 67    |              | Lý thuyết xác suất - thống kê                    | 2   | 04/12/2023 | 12:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 411 | 21ĐHNATM              | 010100092703 | 40    | 15-26        | Nghe - Nói 6                                     | 2   | 04/12/2023 | 12:30   | G202      | Vấn đáp            |         |
| 412 | 21ĐHNATM              | 010100092703 | 40    | 27-40        | Nghe - Nói 6                                     | 2   | 04/12/2023 | 12:30   | G301      | Vấn đáp            |         |
| 413 | 21ĐHNATM              | 010100092703 | 40    | 1-14         | Nghe - Nói 6                                     | 2   | 04/12/2023 | 12:30   | G302      | Vấn đáp            |         |
| 417 | 21ĐHKL01              | 010800003901 | 48    |              | Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay     | 2   | 04/12/2023 | 12:30   | G207      | Tự luận            |         |
| 416 | 20ĐHKT01              | 010800024601 | 36    |              | Toán kỹ thuật 1                                  | 2   | 04/12/2023 | 12:30   | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 414 | 22CĐTM01              | 030100030302 | 50    |              | Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay | 2   | 04/12/2023 | 12:30   | G204      | Tự luận            |         |
| 418 | 22CĐKL01              | 030100033201 | 25    |              | Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay     | 2   | 04/12/2023 | 12:30   | G504      | Tự luận            |         |
| 415 | 23CĐAN01              | 030100059401 | 38    | 1-19         | Tin học                                          | 2   | 04/12/2023 | 12:30   | D02       | Thực hành          |         |
| 425 | 23ĐHNL03              | 010100010417 | 60    |              | Kinh tế vi mô                                    | 2   | 04/12/2023 | 14:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 426 | 23ĐHNL01              | 010100010418 | 60    |              | Kinh tế vi mô                                    | 2   | 04/12/2023 | 14:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 427 | 23ĐHQT07              | 010100017707 | 67    |              | Lý thuyết xác suất - thống kê                    | 2   | 04/12/2023 | 14:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 419 | 21ĐHQT01              | 010100017801 | 60    |              | Các hoạt động khai thác tại Cảng HK              | 2   | 04/12/2023 | 14:30   | G303      | Tự luận            |         |
| 420 | 21ĐHQT02              | 010100017802 | 60    |              | Các hoạt động khai thác tại Cảng HK              | 2   | 04/12/2023 | 14:30   | G304      | Tự luận            |         |
| 421 | 21ĐHQT03              | 010100017803 | 46    |              | Các hoạt động khai thác tại Cảng HK              | 2   | 04/12/2023 | 14:30   | G203      | Tự luận            |         |
| 422 | 21ĐHQT04              | 010100017804 | 47    |              | Các hoạt động khai thác tại Cảng HK              | 2   | 04/12/2023 | 14:30   | G207      | Tự luận            |         |
| 428 | 22ĐHNA03              | 010100092504 | 28    | 21-28        | Nghe - Nói 4                                     | 2   | 04/12/2023 | 14:30   | G202      | Vấn đáp            |         |
| 429 | 22ĐHNA03              | 010100092504 | 28    | 11-20        | Nghe - Nói 4                                     | 2   | 04/12/2023 | 14:30   | G301      | Vấn đáp            |         |
| 430 | 22ĐHNA03              | 010100092504 | 28    | 1-10         | Nghe - Nói 4                                     | 2   | 04/12/2023 | 14:30   | G302      | Vấn đáp            |         |

| STT | Lớp học               | Mã LHP       | St số | Từ số<br>thứ tự | Môn thi                                    | Thứ | Ngày thi   | Giờ thi | Phòng thi | Hình thức thi      | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------|-------|-----------------|--------------------------------------------|-----|------------|---------|-----------|--------------------|---------|
| 423 | 21ĐHDT01              | 011100015601 | 60    |                 | Hệ thống viễn thông                        | 2   | 04/12/2023 | 14:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 424 | 21ĐHDT02              | 011100015602 | 23    |                 | Hệ thống viễn thông                        | 2   | 04/12/2023 | 14:30   | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 431 | 22CĐTM01              | 030100052102 | 47    |                 | Quy định vận chuyển hàng hóa cơ bản        | 2   | 04/12/2023 | 14:30   | G204      | Tự luận            |         |
| 432 | 23CĐAN01              | 030100059401 | 38    | 20-37           | Tin học                                    | 2   | 04/12/2023 | 14:30   | D02       | Thực hành          |         |
| 435 | 22ĐHQT01              | 010100011401 | 37    |                 | Quản trị chất lượng                        | 2   | 04/12/2023 | 16:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 436 | 22ĐHQT02              | 010100011402 | 53    |                 | Quản trị chất lượng                        | 2   | 04/12/2023 | 16:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 437 | 22ĐHQT03              | 010100011403 | 60    |                 | Quản trị chất lượng                        | 2   | 04/12/2023 | 16:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 438 | 22ĐHQT05              | 010100011405 | 60    |                 | Quản trị chất lượng                        | 2   | 04/12/2023 | 16:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 434 | 22ĐHKV01              | 010100109701 | 56    |                 | Quản lý Hàng hóa                           | 2   | 04/12/2023 | 16:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 433 | 22ĐHKV03              | 010100109703 | 49    |                 | Quản lý Hàng hóa                           | 2   | 04/12/2023 | 16:30   | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 440 | 23ĐHQT07              | 010100010404 | 69    |                 | Kinh tế vi mô                              | 3   | 05/12/2023 | 7:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 441 | 23ĐHQT05              | 010100010405 | 68    |                 | Kinh tế vi mô                              | 3   | 05/12/2023 | 7:30    | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 439 | 23ĐHKV01              | 010100010414 | 59    |                 | Kinh tế vi mô                              | 3   | 05/12/2023 | 7:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 448 | 20ĐHQTVT1             | 010100013001 | 18    |                 | Tiếng Anh chuyên ngành II - QTVT           | 3   | 05/12/2023 | 7:30    | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 450 | TRADOISV              | 010100014001 | 5     |                 | Vận tải hàng hóa HK (Air Cargo Management) | 3   | 05/12/2023 | 7:30    | G201      | Tự luận            |         |
| 444 | 23ĐHNA07              | 010100084111 | 27    | 1-14            | Nghe - Nói 1                               | 3   | 05/12/2023 | 7:30    | G202      | Vấn đáp            |         |
| 445 | 23ĐHNA07              | 010100084111 | 27    | 15-27           | Nghe - Nói 1                               | 3   | 05/12/2023 | 7:30    | G301      | Vấn đáp            |         |
| 442 | 23ĐHNA01              | 010100084401 | 46    |                 | Luyện phát âm                              | 3   | 05/12/2023 | 7:30    | G203      | Tự luận            |         |
| 443 | 23ĐHNA02              | 010100084402 | 45    |                 | Luyện phát âm                              | 3   | 05/12/2023 | 7:30    | G204      | Tự luận            |         |
| 446 | 21ĐHNATM              | 010100092702 | 22    | 1-11            | Nghe - Nói 6                               | 3   | 05/12/2023 | 7:30    | G302      | Vấn đáp            |         |
| 447 | 21ĐHNATM              | 010100092702 | 22    | 12-22           | Nghe - Nói 6                               | 3   | 05/12/2023 | 7:30    | G601      | Vấn đáp            |         |
| 449 | 22CĐTM01              | 030100068902 | 58    |                 | Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9     | 3   | 05/12/2023 | 7:30    | G113      | Tự luận            |         |
| 452 | 23ĐHKV04              | 010100010411 | 56    |                 | Kinh tế vi mô                              | 3   | 05/12/2023 | 9:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 453 | 23ĐHKV02              | 010100010413 | 60    |                 | Kinh tế vi mô                              | 3   | 05/12/2023 | 9:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 454 | 23ĐAQT01              | 010100010425 | 47    |                 | Kinh tế vi mô ( Microeconomic)             | 3   | 05/12/2023 | 9:30    | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 460 | 21ĐHQTDL              | 010100034101 | 48    |                 | Quản trị marketing du lịch                 | 3   | 05/12/2023 | 9:30    | G207      | Tự luận            |         |
| 456 | 23ĐHNA05;<br>23ĐHNA06 | 010100084110 | 44    | 1-12            | Nghe - Nói 1                               | 3   | 05/12/2023 | 9:30    | G201      | Vấn đáp            |         |
| 457 | 23ĐHNA05;<br>23ĐHNA06 | 010100084110 | 44    | 13-24           | Nghe - Nói 1                               | 3   | 05/12/2023 | 9:30    | G202      | Vấn đáp            |         |
| 458 | 23ĐHNA05;<br>23ĐHNA06 | 010100084110 | 44    | 25-36           | Nghe - Nói 1                               | 3   | 05/12/2023 | 9:30    | G301      | Vấn đáp            |         |
| 459 | 23ĐHNA05;<br>23ĐHNA06 | 010100084110 | 44    | 37-44           | Nghe - Nói 1                               | 3   | 05/12/2023 | 9:30    | G302      | Vấn đáp            |         |
| 451 | 23ĐHNA01;<br>23ĐHNA02 | 010100084208 | 45    |                 | Đọc - Viết 1                               | 3   | 05/12/2023 | 9:30    | G204      | Tự luận            |         |
| 462 | 21ĐHNATM              | 010100094801 | 37    |                 | Thư tín thương mại                         | 3   | 05/12/2023 | 9:30    | G304      | Tự luận            |         |
| 461 | 22ĐHNL01              | 010100137701 | 53    |                 | Quản trị quan hệ lao động                  | 3   | 05/12/2023 | 9:30    | G303      | Tự luận            |         |
| 455 | 23ĐHKT02              | 011100064001 | 60    |                 | Kỹ thuật điện                              | 3   | 05/12/2023 | 9:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 463 | 22CĐTM02              | 030100068901 | 62    |                 | Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9     | 3   | 05/12/2023 | 9:30    | G406      | Tự luận            |         |
| 464 | 23ĐHKV03              | 010100010412 | 60    |                 | Kinh tế vi mô                              | 3   | 05/12/2023 | 12:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 472 | 21ĐHQTDL              | 010100070801 | 59    |                 | Thương mại điện tử                         | 3   | 05/12/2023 | 12:30   | G406      | Tự luận            |         |
| 467 | 23ĐHNA03;<br>23ĐHNA04 | 010100084109 | 46    | 1-12            | Nghe - Nói 1                               | 3   | 05/12/2023 | 12:30   | G201      | Vấn đáp            |         |
| 468 | 23ĐHNA03;<br>23ĐHNA04 | 010100084109 | 46    | 13-24           | Nghe - Nói 1                               | 3   | 05/12/2023 | 12:30   | G202      | Vấn đáp            |         |
| 469 | 23ĐHNA03;<br>23ĐHNA04 | 010100084109 | 46    | 25-36           | Nghe - Nói 1                               | 3   | 05/12/2023 | 12:30   | G301      | Vấn đáp            |         |
| 470 | 23ĐHNA03;<br>23ĐHNA04 | 010100084109 | 46    | 37-46           | Nghe - Nói 1                               | 3   | 05/12/2023 | 12:30   | G302      | Vấn đáp            |         |
| 471 | 22ĐHNL02              | 010100137702 | 47    |                 | Quản trị quan hệ lao động                  | 3   | 05/12/2023 | 12:30   | G304      | Tự luận            |         |
| 465 | 23ĐHKT01              | 011100064002 | 61    |                 | Kỹ thuật điện                              | 3   | 05/12/2023 | 12:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 466 | 23ĐHKT03              | 011100064003 | 38    |                 | Kỹ thuật điện                              | 3   | 05/12/2023 | 12:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 475 | 23ĐHDXD01             | 011100114601 | 18    |                 | Toán ứng dụng                              | 3   | 05/12/2023 | 12:30   | G307      | Trắc nghiệm online |         |
| 473 | 22CĐTM01              | 030100146201 | 38    |                 | Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa      | 3   | 05/12/2023 | 12:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 474 | 22CĐTM02              | 030100146202 | 39    |                 | Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa      | 3   | 05/12/2023 | 12:30   | G303      | Trắc nghiệm online |         |
| 477 | 23ĐHKV01              | 010100010701 | 60    |                 | Nguyên lý kế toán                          | 3   | 05/12/2023 | 14:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 476 | 23ĐHKV05              | 010100010705 | 56    |                 | Nguyên lý kế toán                          | 3   | 05/12/2023 | 14:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 478 | 22ĐHQT06              | 010100011406 | 59    |                 | Quản trị chất lượng                        | 3   | 05/12/2023 | 14:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 480 | 21ĐHNATM              | 010100094802 | 22    |                 | Thư tín thương mại                         | 3   | 05/12/2023 | 14:30   | G201      | Tự luận            |         |
| 479 | 22CĐTM02              | 030100052101 | 59    |                 | Quy định vận chuyển hàng hóa cơ bản        | 3   | 05/12/2023 | 14:30   | G406      | Tự luận            |         |
| 481 | 23ĐHKV02              | 010100010702 | 64    |                 | Nguyên lý kế toán                          | 3   | 05/12/2023 | 16:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 482 | 23ĐHKV03              | 010100010703 | 63    |                 | Nguyên lý kế toán                          | 3   | 05/12/2023 | 16:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 483 | 23ĐHKV04              | 010100010704 | 61    |                 | Nguyên lý kế toán                          | 3   | 05/12/2023 | 16:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 486 | 23ĐHQT02              | 010100010407 | 78    |                 | Kinh tế vi mô                              | 4   | 06/12/2023 | 7:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 485 | 23ĐHQT01              | 010100010409 | 69    |                 | Kinh tế vi mô                              | 4   | 06/12/2023 | 7:30    | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 494 | 22ĐHQT07              | 010100011407 | 56    |                 | Quản trị chất lượng                        | 4   | 06/12/2023 | 7:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 484 | 21ĐHQTDL              | 010100080701 | 38    |                 | Địa lý du lịch                             | 4   | 06/12/2023 | 7:30    | G203      | Tự luận            |         |
| 487 | 23ĐHNA07              | 010100084406 | 39    |                 | Luyện phát âm                              | 4   | 06/12/2023 | 7:30    | G303      | Tự luận            |         |
| 488 | 23ĐHNA06              | 010100084407 | 44    |                 | Luyện phát âm                              | 4   | 06/12/2023 | 7:30    | G304      | Tự luận            |         |
| 489 | 23ĐHNA01;<br>23ĐHNA02 | 010100084408 | 45    |                 | Luyện phát âm                              | 4   | 06/12/2023 | 7:30    | G406      | Tự luận            |         |
| 490 | 22ĐHNA01              | 010100092502 | 41    | 31-41           | Nghe - Nói 4                               | 4   | 06/12/2023 | 7:30    | G201      | Vấn đáp            |         |
| 491 | 22ĐHNA01              | 010100092502 | 41    | 1-10            | Nghe - Nói 4                               | 4   | 06/12/2023 | 7:30    | G202      | Vấn đáp            |         |
| 492 | 22ĐHNA01              | 010100092502 | 41    | 11-20           | Nghe - Nói 4                               | 4   | 06/12/2023 | 7:30    | G301      | Vấn đáp            |         |
| 493 | 22ĐHNA01              | 010100092502 | 41    | 21-30           | Nghe - Nói 4                               | 4   | 06/12/2023 | 7:30    | G302      | Vấn đáp            |         |
| 495 | 23CĐKL01              | 030100059402 | 35    | 1-16            | Tin học                                    | 4   | 06/12/2023 | 7:30    | D02       | Thực hành          |         |
| 503 | 23ĐHNA01;<br>23ĐHNA02 | 010100084108 | 46    | 1-12            | Nghe - Nói 1                               | 4   | 06/12/2023 | 9:30    | G202      | Vấn đáp            |         |
| 504 | 23ĐHNA01;<br>23ĐHNA02 | 010100084108 | 46    | 25-36           | Nghe - Nói 1                               | 4   | 06/12/2023 | 9:30    | G301      | Vấn đáp            |         |
| 505 | 23ĐHNA01;<br>23ĐHNA02 | 010100084108 | 46    | 13-24           | Nghe - Nói 1                               | 4   | 06/12/2023 | 9:30    | G302      | Vấn đáp            |         |
| 506 | 23ĐHNA01;<br>23ĐHNA02 | 010100084108 | 46    | 37-46           | Nghe - Nói 1                               | 4   | 06/12/2023 | 9:30    | G307      | Vấn đáp            |         |
| 496 | 23ĐHNA03              | 010100084403 | 42    |                 | Luyện phát âm                              | 4   | 06/12/2023 | 9:30    | G305      | Tự luận            |         |
| 497 | 23ĐHNA05              | 010100084404 | 44    |                 | Luyện phát âm                              | 4   | 06/12/2023 | 9:30    | G406      | Tự luận            |         |
| 498 | 23ĐHNA05;<br>23ĐHNA06 | 010100084410 | 44    |                 | Luyện phát âm                              | 4   | 06/12/2023 | 9:30    | G304      | Tự luận            |         |
| 499 | 23ĐHNA07              | 010100084411 | 25    |                 | Luyện phát âm                              | 4   | 06/12/2023 | 9:30    | G201      | Tự luận            |         |
| 507 | 22DHTT02              | 010100111905 | 38    |                 | Tiếng Anh 3                                | 4   | 06/12/2023 | 9:30    | G303      | Trắc nghiệm online |         |
| 500 | 23ĐHĐT01              | 011100009002 | 73    |                 | Lý thuyết mạch 1                           | 4   | 06/12/2023 | 9:30    | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 501 | 23DHTĐ02              | 011100009003 | 54    |                 | Lý thuyết mạch 1                           | 4   | 06/12/2023 | 9:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 502 | 23DHTĐ01              | 011100009004 | 51    |                 | Lý thuyết mạch 1                           | 4   | 06/12/2023 | 9:30    | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 508 | 23CĐKL01              | 030100059402 | 35    | 17-36           | Tin học                                    | 4   | 06/12/2023 | 9:30    | D02       | Thực hành          |         |

| STT | Lớp học                                          | Mã LHP       | St số | Từ số thứ tự | Môn thi                        | Thứ | Ngày thi   | Giờ thi | Phòng thi | Hình thức thi      | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------|--------------|-------|--------------|--------------------------------|-----|------------|---------|-----------|--------------------|---------|
| 509 | 23ĐHKV05                                         | 010100010410 | 54    |              | Kinh tế vi mô                  | 4   | 06/12/2023 | 12:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 510 | 23ĐHNL02                                         | 010100010416 | 60    |              | Kinh tế vi mô                  | 4   | 06/12/2023 | 12:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 517 | 21ĐHQTC3                                         | 010100070804 | 60    |              | Thương mại điện tử             | 4   | 06/12/2023 | 12:30   | G305      | Tự luận            |         |
| 518 | 21ĐHQTC4                                         | 010100070805 | 55    |              | Thương mại điện tử             | 4   | 06/12/2023 | 12:30   | G406      | Tự luận            |         |
| 513 | 23ĐHNA01                                         | 010100084107 | 46    | 1-12         | Nghe - Nói 1                   | 4   | 06/12/2023 | 12:30   | G201      | Vấn đáp            |         |
| 514 | 23ĐHNA01                                         | 010100084107 | 46    | 37-46        | Nghe - Nói 1                   | 4   | 06/12/2023 | 12:30   | G302      | Vấn đáp            |         |
| 515 | 23ĐHNA01                                         | 010100084107 | 46    | 25-36        | Nghe - Nói 1                   | 4   | 06/12/2023 | 12:30   | G504      | Vấn đáp            |         |
| 516 | 23ĐHNA01                                         | 010100084107 | 46    | 13-24        | Nghe - Nói 1                   | 4   | 06/12/2023 | 12:30   | G307      | Vấn đáp            |         |
| 511 | 23ĐHNA04                                         | 010100084405 | 46    |              | Luyện phát âm                  | 4   | 06/12/2023 | 12:30   | G203      | Tự luận            |         |
| 512 | 23ĐHNA03;<br>23ĐHNA04                            | 010100084409 | 46    |              | Luyện phát âm                  | 4   | 06/12/2023 | 12:30   | G204      | Tự luận            |         |
| 519 | 23CĐTM01                                         | 030100059403 | 85    | 1-28         | Tin học                        | 4   | 06/12/2023 | 12:30   | D02       | Thực hành          |         |
| 525 | 22ĐHQT04                                         | 010100008203 | 60    |              | Quản trị nhân lực              | 4   | 06/12/2023 | 14:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 523 | 21ĐHQTC1                                         | 010100011701 | 60    |              | Phân tích hoạt động kinh doanh | 4   | 06/12/2023 | 14:30   | G305      | Tự luận            |         |
| 524 | 21ĐHQTC2                                         | 010100011702 | 60    |              | Phân tích hoạt động kinh doanh | 4   | 06/12/2023 | 14:30   | G406      | Tự luận            |         |
| 528 | 23ĐHTT01;<br>23ĐHTT02;<br>23ĐHTT03               | 010100074607 | 185   | 1-60         | Triết học Mác Lênin            | 4   | 06/12/2023 | 14:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 529 | 23ĐHTT01;<br>23ĐHTT02;<br>23ĐHTT03               | 010100074607 | 185   | 61-120       | Triết học Mác Lênin            | 4   | 06/12/2023 | 14:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 530 | 23ĐHTT01;<br>23ĐHTT02;<br>23ĐHTT03               | 010100074607 | 185   | 121-185      | Triết học Mác Lênin            | 4   | 06/12/2023 | 14:30   | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 520 | 21ĐHNAHK                                         | 010100092701 | 30    | 11-20        | Nghe - Nói 6                   | 4   | 06/12/2023 | 14:30   | G201      | Vấn đáp            |         |
| 521 | 21ĐHNAHK                                         | 010100092701 | 30    | 21-31        | Nghe - Nói 6                   | 4   | 06/12/2023 | 14:30   | G302      | Vấn đáp            |         |
| 522 | 21ĐHNAHK                                         | 010100092701 | 30    | 1-10         | Nghe - Nói 6                   | 4   | 06/12/2023 | 14:30   | G307      | Vấn đáp            |         |
| 526 | 22ĐHKL02                                         | 011100109501 | 42    |              | Tiếng Anh 2                    | 4   | 06/12/2023 | 14:30   | G303      | Trắc nghiệm online |         |
| 527 | 23CĐTM01                                         | 030100059403 | 85    | 29-57        | Tin học                        | 4   | 06/12/2023 | 14:30   | D02       | Thực hành          |         |
| 533 | 22ĐHQ T06                                        | 010100008201 | 60    | 31-60        | Quản trị nhân lực              | 4   | 06/12/2023 | 16:30   | G202      | Trắc nghiệm online |         |
| 535 | 22ĐHQ T06                                        | 010100008201 | 60    | 1-30         | Quản trị nhân lực              | 4   | 06/12/2023 | 16:30   | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 534 | 22ĐHQ T07                                        | 010100008202 | 60    |              | Quản trị nhân lực              | 4   | 06/12/2023 | 16:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 531 | 22ĐHQ T05                                        | 010100008204 | 59    |              | Quản trị nhân lực              | 4   | 06/12/2023 | 16:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 532 | 22ĐHQ T02                                        | 010100008205 | 60    |              | Quản trị nhân lực              | 4   | 06/12/2023 | 16:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 538 | 23ĐHKL01;<br>23ĐHKL02                            | 011100074602 | 120   | 61-120       | Triết học Mác Lênin            | 4   | 06/12/2023 | 16:30   | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 539 | 23ĐHKL01;<br>23ĐHKL02                            | 011100074602 | 120   | 1-60         | Triết học Mác Lênin            | 4   | 06/12/2023 | 16:30   | G207      | Trắc nghiệm online |         |
| 537 | 23ĐHTĐ01;<br>23ĐHTĐ02                            | 011100074603 | 105   | 51-105       | Triết học Mác Lênin            | 4   | 06/12/2023 | 16:30   | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 540 | 23ĐHTĐ01;<br>23ĐHTĐ02                            | 011100074603 | 105   | 1-50         | Triết học Mác Lênin            | 4   | 06/12/2023 | 16:30   | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 536 | 23CĐTM01                                         | 030100059403 | 85    | 58-85        | Tin học                        | 4   | 06/12/2023 | 16:30   | D02       | Thực hành          |         |
| 541 | 23ĐHNA02                                         | 010100084106 | 44    | 25-36        | Nghe - Nói 1                   | 5   | 07/12/2023 | 7:30    | G201      | Vấn đáp            |         |
| 542 | 23ĐHNA02                                         | 010100084106 | 44    | 13-24        | Nghe - Nói 1                   | 5   | 07/12/2023 | 7:30    | G202      | Vấn đáp            |         |
| 543 | 23ĐHNA02                                         | 010100084106 | 44    | 1-12         | Nghe - Nói 1                   | 5   | 07/12/2023 | 7:30    | G301      | Vấn đáp            |         |
| 544 | 23ĐHNA02                                         | 010100084106 | 44    | 37-44        | Nghe - Nói 1                   | 5   | 07/12/2023 | 7:30    | G302      | Vấn đáp            |         |
| 545 | 22ĐHTT04                                         | 010100111901 | 44    |              | Tiếng Anh 3                    | 5   | 07/12/2023 | 7:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 546 | 22ĐHTT05                                         | 010100111903 | 46    |              | Tiếng Anh 3                    | 5   | 07/12/2023 | 7:30    | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 548 | 22ĐHDXD01                                        | 011100111901 | 48    |              | Tiếng Anh 3                    | 5   | 07/12/2023 | 7:30    | G303      | Trắc nghiệm online |         |
| 547 | 22ĐHK T01                                        | 011100111910 | 51    |              | Tiếng Anh 3                    | 5   | 07/12/2023 | 7:30    | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 555 | 21ĐHQ TVT1                                       | 010100070807 | 60    |              | Thương mại điện tử             | 5   | 07/12/2023 | 9:30    | G205      | Tự luận            |         |
| 558 | 23ĐHNL01;<br>23ĐHNL02                            | 010100074604 | 120   | 1-60         | Triết học Mác Lênin            | 5   | 07/12/2023 | 9:30    | G203      | Trắc nghiệm online |         |
| 559 | 23ĐHNL01;<br>23ĐHNL02                            | 010100074604 | 120   | 61-120       | Triết học Mác Lênin            | 5   | 07/12/2023 | 9:30    | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 549 | 23ĐHNA06                                         | 010100084103 | 44    | 37-44        | Nghe - Nói 1                   | 5   | 07/12/2023 | 9:30    | G202      | Vấn đáp            |         |
| 550 | 23ĐHNA06                                         | 010100084103 | 44    | 25-36        | Nghe - Nói 1                   | 5   | 07/12/2023 | 9:30    | G301      | Vấn đáp            |         |
| 551 | 23ĐHNA06                                         | 010100084103 | 44    | 13-24        | Nghe - Nói 1                   | 5   | 07/12/2023 | 9:30    | G302      | Vấn đáp            |         |
| 552 | 23ĐHNA06                                         | 010100084103 | 44    | 1-12         | Nghe - Nói 1                   | 5   | 07/12/2023 | 9:30    | G307      | Vấn đáp            |         |
| 556 | 22ĐHDL01                                         | 010100111907 | 44    |              | Tiếng Anh 3                    | 5   | 07/12/2023 | 9:30    | G113      | Trắc nghiệm online |         |
| 557 | 22ĐHK V03                                        | 010100111919 | 48    |              | Tiếng Anh 3                    | 5   | 07/12/2023 | 9:30    | G204      | Trắc nghiệm online |         |
| 553 | 21ĐHTĐ01                                         | 011100016501 | 38    |              | PLC                            | 5   | 07/12/2023 | 9:30    | G303      | Tự luận            |         |
| 554 | 21ĐHTĐ02                                         | 011100016502 | 38    |              | PLC                            | 5   | 07/12/2023 | 9:30    | G304      | Tự luận            |         |
| 563 | 21ĐHQ TTH1                                       | 010100070806 | 59    |              | Thương mại điện tử             | 5   | 07/12/2023 | 12:30   | G406      | Tự luận            |         |
| 562 | 21ĐHQ TVT2                                       | 010100070808 | 47    |              | Thương mại điện tử             | 5   | 07/12/2023 | 12:30   | G113      | Tự luận            |         |
| 564 | 23ĐHDL01;<br>23ĐHDL02;<br>23ĐHDL03               | 010100074605 | 155   | 78-155       | Triết học Mác Lênin            | 5   | 07/12/2023 | 12:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 565 | 23ĐHDL01;<br>23ĐHDL02;<br>23ĐHDL03               | 010100074605 | 155   | 1-77         | Triết học Mác Lênin            | 5   | 07/12/2023 | 12:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 560 | 21ĐHTĐ02                                         | 011100009503 | 35    |              | Kỹ thuật lập trình             | 5   | 07/12/2023 | 12:30   | G201      | Trắc nghiệm online |         |
| 561 | 21ĐHTĐ01                                         | 011100009504 | 32    |              | Kỹ thuật lập trình             | 5   | 07/12/2023 | 12:30   | G302      | Trắc nghiệm online |         |
| 570 | 23ĐHTT04;<br>23ĐHTT05;<br>23ĐHTT06;<br>23ĐHDXD01 | 010100074608 | 199   | 1-66         | Triết học Mác Lênin            | 5   | 07/12/2023 | 14:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |
| 571 | 23ĐHTT04;<br>23ĐHTT05;<br>23ĐHTT06;<br>23ĐHDXD01 | 010100074608 | 199   | 67-133       | Triết học Mác Lênin            | 5   | 07/12/2023 | 14:30   | G305      | Trắc nghiệm online |         |
| 572 | 23ĐHTT04;<br>23ĐHTT05;<br>23ĐHTT06;<br>23ĐHDXD01 | 010100074608 | 199   | 134-199      | Triết học Mác Lênin            | 5   | 07/12/2023 | 14:30   | G406      | Trắc nghiệm online |         |
| 566 | 23ĐHNA05                                         | 010100084102 | 44    | 1-12         | Nghe - Nói 1                   | 5   | 07/12/2023 | 14:30   | G201      | Vấn đáp            |         |
| 567 | 23ĐHNA05                                         | 010100084102 | 44    | 13-24        | Nghe - Nói 1                   | 5   | 07/12/2023 | 14:30   | G302      | Vấn đáp            |         |
| 568 | 23ĐHNA05                                         | 010100084102 | 44    | 25-36        | Nghe - Nói 1                   | 5   | 07/12/2023 | 14:30   | G504      | Vấn đáp            |         |
| 569 | 23ĐHNA05                                         | 010100084102 | 44    | 37-44        | Nghe - Nói 1                   | 5   | 07/12/2023 | 14:30   | G307      | Vấn đáp            |         |
| 573 | 23ĐHQ T04;<br>23ĐHQ T05;<br>23ĐHQ T06            | 010100074602 | 205   | 68-134       | Triết học Mác Lênin            | 5   | 07/12/2023 | 16:30   | G205      | Trắc nghiệm online |         |

| STT | Lớp học                            | Mã LHP       | St số | Từ số thứ tự | Môn thi                                                      | Thứ | Ngày thi   | Giờ thi | Phòng thi | Hình thức thi      | Ghi chú                  |
|-----|------------------------------------|--------------|-------|--------------|--------------------------------------------------------------|-----|------------|---------|-----------|--------------------|--------------------------|
| 574 | 23DHQT04;<br>23DHQT05;<br>23DHQT06 | 010100074602 | 205   | 135-205      | Triết học Mác Lênin                                          | 5   | 07/12/2023 | 16:30   | G305      | Trắc nghiệm online |                          |
| 575 | 23DHQT04;<br>23DHQT05;<br>23DHQT06 | 010100074602 | 205   | 1-67         | Triết học Mác Lênin                                          | 5   | 07/12/2023 | 16:30   | G406      | Trắc nghiệm online |                          |
| 579 | 23DHQT01;<br>23DHQT02;<br>23DHQT03 | 010100074601 | 206   | 1-67         | Triết học Mác Lênin                                          | 6   | 08/12/2023 | 7:30    | G205      | Trắc nghiệm online |                          |
| 580 | 23DHQT01;<br>23DHQT02;<br>23DHQT03 | 010100074601 | 206   | 68-134       | Triết học Mác Lênin                                          | 6   | 08/12/2023 | 7:30    | G305      | Trắc nghiệm online |                          |
| 581 | 23DHQT01;<br>23DHQT02;<br>23DHQT03 | 010100074601 | 206   | 135-206      | Triết học Mác Lênin                                          | 6   | 08/12/2023 | 7:30    | G406      | Trắc nghiệm online |                          |
| 576 | 23DHNA07                           | 010100084101 | 37    | 1-12         | Nghe - Nói 1                                                 | 6   | 08/12/2023 | 7:30    | G202      | Vấn đáp            |                          |
| 577 | 23DHNA07                           | 010100084101 | 37    | 13-24        | Nghe - Nói 1                                                 | 6   | 08/12/2023 | 7:30    | G201      | Vấn đáp            |                          |
| 578 | 23DHNA07                           | 010100084101 | 37    | 25-37        | Nghe - Nói 1                                                 | 6   | 08/12/2023 | 7:30    | G301      | Vấn đáp            |                          |
| 586 | 23DHQT07;<br>23DHQT08;<br>23DHQT09 | 010100074603 | 201   | 67-133       | Triết học Mác Lênin                                          | 6   | 08/12/2023 | 9:30    | G205      | Trắc nghiệm online |                          |
| 587 | 23DHQT07;<br>23DHQT08;<br>23DHQT09 | 010100074603 | 201   | 134-201      | Triết học Mác Lênin                                          | 6   | 08/12/2023 | 9:30    | G305      | Trắc nghiệm online |                          |
| 588 | 23DHQT07;<br>23DHQT08;<br>23DHQT09 | 010100074603 | 201   | 1-66         | Triết học Mác Lênin                                          | 6   | 08/12/2023 | 9:30    | G406      | Trắc nghiệm online |                          |
| 582 | 23DHNA03                           | 010100084105 | 42    | 25-36        | Nghe - Nói 1                                                 | 6   | 08/12/2023 | 9:30    | G201      | Vấn đáp            |                          |
| 583 | 23DHNA03                           | 010100084105 | 42    | 13-24        | Nghe - Nói 1                                                 | 6   | 08/12/2023 | 9:30    | G202      | Vấn đáp            |                          |
| 584 | 23DHNA03                           | 010100084105 | 42    | 1-12         | Nghe - Nói 1                                                 | 6   | 08/12/2023 | 9:30    | G301      | Vấn đáp            |                          |
| 585 | 23DHNA03                           | 010100084105 | 42    | 37-42        | Nghe - Nói 1                                                 | 6   | 08/12/2023 | 9:30    | G302      | Vấn đáp            |                          |
| 593 | 21DHQTTTH1                         | 010100018901 | 29    |              | Quản trị sản xuất và điều hành                               | 6   | 08/12/2023 | 12:30   | G601      | Tự luận            |                          |
| 594 | 23DHKV01;<br>23DHKV02;<br>23DHKV03 | 010100074609 | 182   | 1-60         | Triết học Mác Lênin                                          | 6   | 08/12/2023 | 12:30   | G205      | Trắc nghiệm online |                          |
| 595 | 23DHKV01;<br>23DHKV02;<br>23DHKV03 | 010100074609 | 182   | 61-120       | Triết học Mác Lênin                                          | 6   | 08/12/2023 | 12:30   | G305      | Trắc nghiệm online |                          |
| 596 | 23DHKV01;<br>23DHKV02;<br>23DHKV03 | 010100074609 | 182   | 121-182      | Triết học Mác Lênin                                          | 6   | 08/12/2023 | 12:30   | G406      | Trắc nghiệm online |                          |
| 597 | 23DAQT01                           | 010100074612 | 47    |              | Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)     | 6   | 08/12/2023 | 12:30   | G113      | Trắc nghiệm online |                          |
| 589 | 23DHNA04                           | 010100084104 | 46    | 37-46        | Nghe - Nói 1                                                 | 6   | 08/12/2023 | 12:30   | G202      | Vấn đáp            |                          |
| 590 | 23DHNA04                           | 010100084104 | 46    | 13-24        | Nghe - Nói 1                                                 | 6   | 08/12/2023 | 12:30   | G201      | Vấn đáp            |                          |
| 591 | 23DHNA04                           | 010100084104 | 46    | 25-36        | Nghe - Nói 1                                                 | 6   | 08/12/2023 | 12:30   | G301      | Vấn đáp            |                          |
| 592 | 23DHNA04                           | 010100084104 | 46    | 1-12         | Nghe - Nói 1                                                 | 6   | 08/12/2023 | 12:30   | G307      | Vấn đáp            |                          |
| 598 | 21DHQTC3                           | 010100011703 | 57    |              | Phân tích hoạt động kinh doanh                               | 6   | 08/12/2023 | 14:30   | G407      | Tự luận            |                          |
| 599 | 21DHQTTTH1                         | 010100011705 | 57    |              | Phân tích hoạt động kinh doanh                               | 6   | 08/12/2023 | 14:30   | G204      | Tự luận            |                          |
| 600 | 21DHQTVT1                          | 010100011706 | 60    |              | Phân tích hoạt động kinh doanh                               | 6   | 08/12/2023 | 14:30   | G406      | Tự luận            |                          |
| 601 | 21DHQTVT2                          | 010100011707 | 34    |              | Phân tích hoạt động kinh doanh                               | 6   | 08/12/2023 | 14:30   | G207      | Tự luận            |                          |
| 602 | 21DHQTVT3                          | 010100011708 | 61    |              | Phân tích hoạt động kinh doanh                               | 6   | 08/12/2023 | 14:30   | G305      | Tự luận            |                          |
| 603 | 23DHKT01;<br>23DHKT02              | 011100074605 | 120   | 61-120       | Triết học Mác Lênin                                          | 6   | 08/12/2023 | 14:30   | G113      | Trắc nghiệm online |                          |
| 604 | 23DHKT01;<br>23DHKT02              | 011100074605 | 120   | 1-60         | Triết học Mác Lênin                                          | 6   | 08/12/2023 | 14:30   | G203      | Trắc nghiệm online |                          |
| 605 | 23DHKL03;<br>23DHKT03              | 011100074606 | 74    |              | Triết học Mác Lênin                                          | 6   | 08/12/2023 | 14:30   | G205      | Trắc nghiệm online |                          |
| 606 | 23DHKV04;<br>23DHKV05              | 010100074610 | 111   | 1-55         | Triết học Mác Lênin                                          | 6   | 08/12/2023 | 16:30   | G204      | Trắc nghiệm online |                          |
| 608 | 23DHKV04;<br>23DHKV05              | 010100074610 | 111   | 56-111       | Triết học Mác Lênin                                          | 6   | 08/12/2023 | 16:30   | G207      | Trắc nghiệm online |                          |
| 607 | 23DHNL03;<br>23DHNL04              | 010100074611 | 94    | 1-50         | Triết học Mác Lênin                                          | 6   | 08/12/2023 | 16:30   | G203      | Trắc nghiệm online |                          |
| 609 | 23DHNL03;<br>23DHNL04              | 010100074611 | 94    | 51-94        | Triết học Mác Lênin                                          | 6   | 08/12/2023 | 16:30   | G113      | Trắc nghiệm online |                          |
| 610 | TRAODOISV                          | 010100157301 | 1     |              | Air Traffic Services                                         | 7   | 09/12/2023 | 7:30    | G201      | Trắc nghiệm online |                          |
| 611 | 23DHTĐ01                           | 011100051701 | 62    |              | Toán cơ sở                                                   | 7   | 09/12/2023 | 7:30    | G305      | Trắc nghiệm online |                          |
| 612 | 23DHTĐ02                           | 011100051702 | 59    |              | Toán cơ sở                                                   | 7   | 09/12/2023 | 7:30    | G406      | Trắc nghiệm online |                          |
| 613 | 23DHĐT01                           | 011100074604 | 71    |              | Triết học Mác Lênin                                          | 7   | 09/12/2023 | 7:30    | G205      | Trắc nghiệm online |                          |
| 614 | 23DAQT01                           | 010100017719 | 47    |              | Lý thuyết xác suất - thống kê (Statistic Probability Theory) | 7   | 09/12/2023 | 9:30    | G113      | Trắc nghiệm online |                          |
| 615 | 23DHKT02                           | 011100051703 | 67    |              | Toán cơ sở                                                   | 7   | 09/12/2023 | 9:30    | G205      | Trắc nghiệm online |                          |
| 616 | 23DHKT01                           | 011100051704 | 60    |              | Toán cơ sở                                                   | 7   | 09/12/2023 | 9:30    | G305      | Trắc nghiệm online |                          |
| 617 | 23DHKT03                           | 011100051705 | 38    |              | Toán cơ sở                                                   | 7   | 09/12/2023 | 9:30    | G203      | Trắc nghiệm online |                          |
| 618 | 23DHQT01                           | 010100017701 | 78    |              | Lý thuyết xác suất - thống kê                                | 7   | 09/12/2023 | 12:30   | G205      | Trắc nghiệm online |                          |
| 619 | 23DHĐT02                           | 011100080701 | 56    |              | Toán chuyên đề                                               | 7   | 09/12/2023 | 12:30   | G113      | Trắc nghiệm online |                          |
| 620 | 23DHĐT01                           | 011100080702 | 58    |              | Toán chuyên đề                                               | 7   | 09/12/2023 | 12:30   | G203      | Trắc nghiệm online |                          |
| 621 | 23DHQT02                           | 010100017702 | 77    |              | Lý thuyết xác suất - thống kê                                | 7   | 09/12/2023 | 14:30   | G305      | Trắc nghiệm online |                          |
| 622 | 23DHQT03                           | 010100017703 | 72    |              | Lý thuyết xác suất - thống kê                                | 7   | 09/12/2023 | 14:30   | G205      | Trắc nghiệm online |                          |
| 623 | 23DHDL02                           | 010100017715 | 60    |              | Lý thuyết xác suất - thống kê                                | 7   | 09/12/2023 | 14:30   | G406      | Trắc nghiệm online |                          |
| 624 | 23DHNL02                           | 010100017711 | 60    |              | Lý thuyết xác suất - thống kê                                | 7   | 09/12/2023 | 16:30   | G205      | Trắc nghiệm online |                          |
| 625 | 23DHNL03                           | 010100017712 | 60    |              | Lý thuyết xác suất - thống kê                                | 7   | 09/12/2023 | 16:30   | G305      | Trắc nghiệm online |                          |
| 626 | 23DHNL04                           | 010100017713 | 33    |              | Lý thuyết xác suất - thống kê                                | 7   | 09/12/2023 | 16:30   | G201      | Trắc nghiệm online |                          |
| 627 | 23DHDL01                           | 010100017714 | 62    |              | Lý thuyết xác suất - thống kê                                | 7   | 09/12/2023 | 16:30   | G406      | Trắc nghiệm online |                          |
| 667 | 23DHTT02                           | 010100002001 | 59    |              | Giáo dục thể chất-bóng rổ                                    |     |            |         |           | Thực hành          | theo lịch riêng của Khoa |
| 668 | 23DHTT04                           | 010100002003 | 58    |              | Giáo dục thể chất-bóng rổ                                    |     |            |         |           | Thực hành          | theo lịch riêng của Khoa |
| 669 | 23DHNA02                           | 010100002008 | 57    |              | Giáo dục thể chất-bóng rổ                                    |     |            |         |           | Thực hành          | theo lịch riêng của Khoa |
| 670 | 23DHTT01                           | 010100002009 | 59    |              | Giáo dục thể chất-bóng rổ                                    |     |            |         |           | Thực hành          | theo lịch riêng của Khoa |
| 671 | 23DHTT03                           | 010100002010 | 60    |              | Giáo dục thể chất-bóng rổ                                    |     |            |         |           | Thực hành          | theo lịch riêng của Khoa |
| 672 | 23DHTT05                           | 010100002011 | 51    |              | Giáo dục thể chất-bóng rổ                                    |     |            |         |           | Thực hành          | theo lịch riêng của Khoa |
| 673 | 23DHTT05                           | 010100002014 | 50    |              | Giáo dục thể chất-bóng rổ                                    |     |            |         |           | Thực hành          | theo lịch riêng của Khoa |
| 674 | 23DHTT06                           | 010100002015 | 59    |              | Giáo dục thể chất-bóng rổ                                    |     |            |         |           | Thực hành          | theo lịch riêng của Khoa |
| 675 | 23DHTT04                           | 010100002017 | 60    |              | Giáo dục thể chất-bóng rổ                                    |     |            |         |           | Thực hành          | theo lịch riêng của Khoa |
| 676 | 23DHTT02                           | 010100002018 | 60    |              | Giáo dục thể chất-bóng rổ                                    |     |            |         |           | Thực hành          | theo lịch riêng của Khoa |

| STT | Lớp học       | Mã LHP       | St số | Từ số thứ tự | Môn thi                                                      | Thứ | Ngày thi | Giờ thi | Phòng thi | Hình thức thi | Ghi chú                  |
|-----|---------------|--------------|-------|--------------|--------------------------------------------------------------|-----|----------|---------|-----------|---------------|--------------------------|
| 677 | 22DHNA03      | 010100002019 | 58    |              | Giáo dục thể chất-bóng rổ                                    |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 678 | 23DHTT06      | 010100002020 | 61    |              | Giáo dục thể chất-bóng rổ                                    |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 648 | 22DHNL01      | 010100002201 | 58    |              | Giáo dục thể chất-bóng chuyền                                |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 649 | 23DHQT01      | 010100002202 | 60    |              | Giáo dục thể chất-bóng chuyền                                |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 650 | 23DHQT03      | 010100002203 | 60    |              | Giáo dục thể chất-bóng chuyền                                |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 651 | 23DHQT05      | 010100002204 | 60    |              | Giáo dục thể chất-bóng chuyền                                |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 652 | 23DHQT07      | 010100002205 | 60    |              | Giáo dục thể chất-bóng chuyền                                |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 653 | 23DHNL01      | 010100002206 | 60    |              | Giáo dục thể chất-bóng chuyền                                |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 654 | 23DHNL02      | 010100002207 | 60    |              | Giáo dục thể chất-bóng chuyền                                |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 655 | 23DHNL04      | 010100002208 | 59    |              | Giáo dục thể chất-bóng chuyền                                |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 656 | 22DHNL02      | 010100002209 | 52    |              | Giáo dục thể chất-bóng chuyền                                |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 657 | 23DHQT02      | 010100002210 | 60    |              | Giáo dục thể chất-bóng chuyền                                |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 658 | 23DHQT04      | 010100002211 | 61    |              | Giáo dục thể chất-bóng chuyền                                |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 659 | 23DHQT06      | 010100002212 | 60    |              | Giáo dục thể chất-bóng chuyền                                |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 660 | 23DHQT08      | 010100002213 | 60    |              | Giáo dục thể chất-bóng chuyền                                |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 661 | 23DHQT09      | 010100002214 | 60    |              | Giáo dục thể chất-bóng chuyền                                |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 662 | 23DHNL03      | 010100002215 | 59    |              | Giáo dục thể chất-bóng chuyền                                |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 679 | 23DHDL03      | 010100008302 | 60    |              | Giáo dục thể chất-Vô cở truyền VN                            |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 680 | 23DHDL02      | 010100008304 | 61    |              | Giáo dục thể chất-Vô cở truyền VN                            |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 705 | 20DHQTC2      | 010100013401 | 70    |              | Quản trị hàng hàng không                                     |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 706 | 20DHQTC1      | 010100013402 | 70    |              | Quản trị hàng hàng không                                     |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 707 | 20DHQTVT3     | 010100013404 | 59    |              | Quản trị hàng hàng không                                     |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 708 | 20DHQTVT2     | 010100013405 | 58    |              | Quản trị hàng hàng không                                     |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 709 | 20DHQTTTH     | 010100013407 | 60    |              | Quản trị hàng hàng không                                     |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 711 | 20DHQTC1      | 010100013901 | 69    |              | Quản trị khai thác CHK                                       |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 712 | 20DHQTC2      | 010100013902 | 50    |              | Quản trị khai thác CHK                                       |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 713 | 20DHQTVT1     | 010100013903 | 60    |              | Quản trị khai thác CHK                                       |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 714 | 20DHQTVT4     | 010100013906 | 60    |              | Quản trị khai thác CHK                                       |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 715 | 20DHQTTTH     | 010100013907 | 49    |              | Quản trị khai thác CHK                                       |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 721 | TRAODOISV     | 010100017901 | 12    |              | Quản trị thương mại Cảng HK ( Airport Commercial Management) |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 717 | 21DHQTC1      | 010100018201 | 59    |              | Quản trị thiết bị CHK                                        |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 718 | 21DHQTC2      | 010100018202 | 41    |              | Quản trị thiết bị CHK                                        |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 719 | 21DHQTC3      | 010100018203 | 59    |              | Quản trị thiết bị CHK                                        |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 720 | 21DHQTC4      | 010100018204 | 60    |              | Quản trị thiết bị CHK                                        |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 638 | 23DHNA01      | 010100023301 | 62    |              | Giáo dục thể chất-Aerobic                                    |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 639 | 23DHNA03      | 010100023302 | 60    |              | Giáo dục thể chất-Aerobic                                    |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 640 | 23DHKV02      | 010100023305 | 60    |              | Giáo dục thể chất-Aerobic                                    |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 641 | 23DHKV04      | 010100023306 | 63    |              | Giáo dục thể chất-Aerobic                                    |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 642 | 23DHNA06      | 010100023307 | 60    |              | Giáo dục thể chất-Aerobic                                    |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 643 | 23DHNA07      | 010100023308 | 60    |              | Giáo dục thể chất-Aerobic                                    |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 644 | 23DHNA04      | 010100023309 | 60    |              | Giáo dục thể chất-Aerobic                                    |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 645 | 23DHNA02      | 010100023310 | 60    |              | Giáo dục thể chất-Aerobic                                    |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 646 | 23DHKV03      | 010100023311 | 60    |              | Giáo dục thể chất-Aerobic                                    |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 647 | 23DHKV05      | 010100023312 | 60    |              | Giáo dục thể chất-Aerobic                                    |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 741 | 22DHKV03      | 010100070810 | 60    |              | Thương mại điện tử                                           |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 742 | 22DHKV01      | 010100070812 | 60    |              | Thương mại điện tử                                           |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 694 | 21DHTT01      | 010100085301 | 59    |              | Lập trình Windows                                            |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 695 | 21DHTT02      | 010100085302 | 24    |              | Lập trình Windows                                            |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 692 | 21DHTT02      | 010100085501 | 38    |              | Lập trình thiết bị di động                                   |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 693 | 21DHTT01      | 010100085502 | 59    |              | Lập trình thiết bị di động                                   |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 743 | 21DHTT02      | 010100085801 | 59    |              | Trí tuệ nhân tạo                                             |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 744 | 21DHTT01      | 010100085802 | 31    |              | Trí tuệ nhân tạo                                             |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 630 | QTKDVTCHK1-K9 | 010100103601 | 1     |              | Chuyên đề Bảo hiểm hàng không                                |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 631 | QTKDVTCHK1-K9 | 010100157401 | 1     |              | Chuyên đề vận tải hàng hóa HK                                |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 731 | 20DHKL01      | 010800005901 | 49    |              | Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận ( có hệ thống giám sát) |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 688 | 20DHKT01      | 010800050801 | 68    |              | Hệ thống quản lý an toàn HK                                  |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 632 | 21DHKT01      | 010800105701 | 58    |              | Cơ học bay 1                                                 |     |          |         |           | Bài tập lớn   | theo lịch riêng của Khoa |
| 665 | 23DHTĐ01      | 011100002001 | 60    |              | Giáo dục thể chất-bóng rổ                                    |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 666 | 23DHXD01      | 011100002002 | 47    |              | Giáo dục thể chất-bóng rổ                                    |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 663 | 22DHDĐ01      | 011100002201 | 17    |              | Giáo dục thể chất-bóng chuyền                                |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 664 | 22DHDĐ02      | 011100002202 | 52    |              | Giáo dục thể chất-bóng chuyền                                |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 697 | 23DHKL01      | 011100004901 | 61    |              | Nghiên cứu và thuyết trình                                   |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 698 | 23DHKL02      | 011100004902 | 60    |              | Nghiên cứu và thuyết trình                                   |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 699 | 23DHKT01      | 011100004903 | 60    |              | Nghiên cứu và thuyết trình                                   |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 700 | 23DHKT02      | 011100004904 | 61    |              | Nghiên cứu và thuyết trình                                   |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 701 | 23DHKL03      | 011100004905 | 36    |              | Nghiên cứu và thuyết trình                                   |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 702 | 23DHKT03      | 011100004906 | 38    |              | Nghiên cứu và thuyết trình                                   |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 681 | 23DHDĐ01      | 011100008301 | 60    |              | Giáo dục thể chất-Vô cở truyền VN                            |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 682 | 23DHKL01      | 011100008302 | 60    |              | Giáo dục thể chất-Vô cở truyền VN                            |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 683 | 23DHKT01      | 011100008303 | 60    |              | Giáo dục thể chất-Vô cở truyền VN                            |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 684 | 23DHKL02      | 011100008305 | 60    |              | Giáo dục thể chất-Vô cở truyền VN                            |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 685 | 23DHKL03      | 011100008307 | 60    |              | Giáo dục thể chất-Vô cở truyền VN                            |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 686 | 23DHKT03      | 011100008308 | 60    |              | Giáo dục thể chất-Vô cở truyền VN                            |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 722 | 20DHDĐ01      | 011100009701 | 31    |              | Thí nghiệm Hệ thống viễn thông                               |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 723 | 20DHDĐ02      | 011100009702 | 42    |              | Thí nghiệm Hệ thống viễn thông                               |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 724 | 23DHDĐ01      | 011100014301 | 25    |              | Thí nghiệm kỹ thuật điện tử                                  |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 725 | 23DHDĐ01      | 011100014302 | 25    |              | Thí nghiệm kỹ thuật điện tử                                  |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 726 | 23DHDĐ01      | 011100014303 | 24    |              | Thí nghiệm kỹ thuật điện tử                                  |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 727 | 22DHDĐ01      | 011100015001 | 40    |              | Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển                          |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 728 | 22DHDĐ02      | 011100015002 | 22    |              | Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển                          |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 740 | 21DHTĐ02      | 011100015004 | 29    |              | Thực hành vi xử lý – Vi điều khiển                           |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 729 | 21DHDĐ02      | 011100015005 | 43    |              | Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển                          |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 730 | 21DHDĐ01      | 011100015006 | 33    |              | Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển                          |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 738 | 21DHTĐ02      | 011100015007 | 24    |              | Thực hành vi xử lý – Vi điều khiển                           |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 739 | 21DHTĐ01      | 011100015008 | 26    |              | Thực hành vi xử lý – Vi điều khiển                           |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 687 | 20DHDĐ01      | 011100043302 | 69    |              | Hệ thống định vị vô tuyến hàng không                         |     |          |         |           | Bài tập lớn   | theo lịch riêng của Khoa |
| 628 | 20DHDĐ01      | 011100072301 | 25    |              | Chuyên đề 1                                                  |     |          |         |           | Bài tập lớn   | theo lịch riêng của Khoa |
| 629 | 20DHDĐ02      | 011100072302 | 44    |              | Chuyên đề 1                                                  |     |          |         |           | Bài tập lớn   | theo lịch riêng của Khoa |
| 735 | 22DHTĐ02      | 011100089201 | 28    |              | Thực hành máy điện                                           |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 736 | 22DHTĐ01      | 011100089202 | 29    |              | Thực hành máy điện                                           |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 737 | 22DHTĐ01      | 011100089203 | 18    |              | Thực hành máy điện                                           |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |

| STT | Lớp học                | Mã LHP       | St số | Từ số<br>thứ tự | Môn thi                                                         | Thứ | Ngày thi | Giờ thi | Phòng thi | Hình thức thi | Ghi chú                  |
|-----|------------------------|--------------|-------|-----------------|-----------------------------------------------------------------|-----|----------|---------|-----------|---------------|--------------------------|
| 732 | 22DHTĐ01               | 011100091701 | 29    |                 | Thực hành kỹ thuật điện tử                                      |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 733 | 22DHTĐ02               | 011100091702 | 30    |                 | Thực hành kỹ thuật điện tử                                      |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 734 | 22DHTĐ02               | 011100091703 | 24    |                 | Thực hành kỹ thuật điện tử                                      |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 745 | 22ĐHĐT01;<br>22ĐHĐT02  | 011100140001 | 71    |                 | Truyền số liệu và mạng máy tính                                 |     |          |         |           | Bài tập lớn   | theo lịch riêng của Khoa |
| 696 | 19CĐĐV01               | 030100055001 | 6     |                 | Mạch điện tử cơ bản                                             |     |          |         |           | Bài tập lớn   | theo lịch riêng của Khoa |
| 635 | 23CĐTM01               | 030100059201 | 60    |                 | Giáo dục thể chất                                               |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 636 | 23CĐKL01               | 030100059202 | 32    |                 | Giáo dục thể chất                                               |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 637 | 23CĐAN01;<br>23CĐCK01  | 030100059203 | 52    |                 | Giáo dục thể chất                                               |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 748 | 22CĐAN01               | 030100061301 | 36    |                 | Vũ khí, công cụ hỗ trợ; vật phẩm nguy hiểm và thiết bị phá hoại |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 633 | 23CĐCK01               | 030100061701 | 33    |                 | Điện cơ bản                                                     |     |          |         |           | Bài tập lớn   | theo lịch riêng của Khoa |
| 634 | 23CĐCK01               | 030100061801 | 34    |                 | Điện tử cơ bản                                                  |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 747 | 22CĐAN01               | 030100064501 | 48    |                 | Võ thuật 1                                                      |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 689 | 22CĐAN01               | 030100066301 | 39    |                 | Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không, an ninh khu vực hạn chế  |     |          |         |           | Thực hành     | theo lịch riêng của Khoa |
| 746 | 22CĐCK01               | 030100067301 | 23    |                 | Vẽ kỹ thuật                                                     |     |          |         |           | Bài tập lớn   | theo lịch riêng của Khoa |
| 704 | 22CHQT01;<br>22CHQTDDB | 060100056501 | 13    |                 | Quản trị chiến lược nâng cao                                    |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 716 | 22CHQT01;<br>22CHQTDDB | 060100058301 | 13    |                 | Quản trị logistics và chuỗi cung ứng                            |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 703 | 22CHQT01;<br>22CHQTDDB | 060100144301 | 13    |                 | Phân tích dữ liệu định lượng                                    |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 690 | 23CHQTCDB              | 060600010401 | 9     |                 | Kinh tế vi mô                                                   |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 691 | 23CHQTCDB              | 060600010501 | 9     |                 | Kinh tế vĩ mô                                                   |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |
| 710 | 23CHQTCDB              | 060600058701 | 10    |                 | Quản trị học                                                    |     |          |         |           | Tiểu luận     | theo lịch riêng của Khoa |

Lập bảng



Dương Gia Bảo

Tp. HCM, ngày 16 tháng 10 năm 2023

PHÒNG ĐÀO TẠO



Cổ Tấn Anh Vũ